

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO



ĐỀ ÁN

QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÌ KÊ CỦA NGƯỜI KHMER XÃ Ô LÂM, TỈNH AN GIANG

Cơ quan chủ quản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Cơ quan chủ trì

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TỈNH AN GIANG

Đơn vị tư vấn lập đề án

PHÂN VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH MIỀN NAM

An Giang - 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO**



ĐỀ ÁN

**QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY
NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÌ KÊ
CỦA NGƯỜI KHMER XÃ Ô LÂM,
TỈNH AN GIANG**

Cơ quan chủ quản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Cơ quan chủ trì

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TỈNH AN GIANG

Đơn vị tư vấn lập đề án

PHÂN VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH MIỀN NAM

An Giang - 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 05

Phần thứ nhất **TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- 1.1. Tính cấp thiết xây dựng đề án 07
- 1.2. Căn cứ xây dựng đề án 10

Phần thứ hai **MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CỦA XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- 2.1. Mục tiêu xây dựng đề án 13
 - 2.1.1. Mục tiêu chung 13
 - 2.1.2. Mục tiêu cụ thể 13
- 2.2. Yêu cầu của xây dựng đề án 14
 - 2.2.1. Yêu cầu khoa học 14
 - 2.2.2. Yêu cầu thực tiễn 14

Phần thứ ba **NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY** **GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÌ KÊ CỦA NGƯỜI KHMER** **Ở TỈNH AN GIANG**

- 3.1. Nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng Khmer vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang 15
 - 3.1.1. Về nguồn gốc của loại hình nghệ thuật sân khấu Dì kê 15
 - 3.1.2. Đặc điểm nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer ở xã Ô Lâm 21
 - 3.1.3. Vai trò của nghệ thuật sân khấu Dì kê trong đời sống tinh thần người Khmer ở xã Ô Lâm 31
- 3.2. Các yếu tố, nguy cơ tác động đến việc thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật trình diễn dân gian sân khấu Dì kê của người Khmer 32
- 3.3. Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động nghệ thuật trình diễn dân gian sân khấu Dì kê của người Khmer ở xã Ô Lâm, tỉnh An Giang 35
 - 3.3.1. Thực trạng hoạt động nghệ thuật sân khấu Dì kê ở vùng Bảy Núi 35
 - 3.3.2. Thực trạng gánh hát (nghệ nhân, diễn viên) và thực trạng hoạt động (kịch bản, vở diễn, môi trường biểu diễn) 35
 - 3.3.3. Thực trạng biểu diễn (các vở diễn, số điệu lăm, các điệu múa, nhạc cụ...) 37

3.4. Nội dung và nhiệm vụ chủ yếu bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer ở xã Ô Lâm, tỉnh An Giang	37
3.4.1. Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm và bảo vệ giá trị nghệ thuật sân khấu Dì kê	38
3.4.2. Mở rộng không gian diễn xướng nghệ thuật Dì kê	38
3.4.3. Đầu tư nguồn nhân lực phát triển nghệ thuật sân khấu Dì kê	39
3.4.4. Đưa Dì kê tham gia vào hoạt động phát triển du lịch tại địa phương	39
3.4.5. Đưa sân khấu Dì kê vào học đường	40
3.4.6. Thực hiện chính sách đãi ngộ nghệ nhân, diễn viên	40

Phần thứ tư
HỆ THỐNG GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, QUẢN LÝ
VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

4.1. HỆ THỐNG GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, QUẢN LÝ ĐỀ ÁN	42
4.1.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nghệ thuật sân khấu Dì kê	42
4.1.2. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực thực hành cho các nghệ nhân và diễn viên	43
4.1.3. Nhóm giải pháp phát huy giá trị di sản Nghệ thuật sân khấu Dì kê gắn với phát triển du lịch của địa phương	45
4.1.4. Nhóm giải pháp huy động và đầu tư kinh phí	45
4.1.5. Kinh phí thực hiện Đề án Quản lý, bảo vệ và phát huy Nghệ thuật sân khấu Dì kê giai đoạn 2025 - 2030	46
4.2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	47
4.2.1. Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh An Giang	47
4.2.2. Sở Nội vụ tỉnh An Giang	48
4.2.3. Sở Tài chính tỉnh An Giang	49
4.2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang	49
4.2.5. Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang	49
4.2.6. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh An Giang	50
4.2.7. Ủy ban Nhân dân xã (nơi có di sản)	50
PHỤC LỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN, NỘI DUNG CHỦ YẾU VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	51

MỞ ĐẦU

Là một tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long, so với các tỉnh khác trong khu vực thì An Giang được xem là một vùng đất có vị trí, kiến tạo địa lý tự nhiên đặc biệt. Đây là vùng sinh thái đầu nguồn - nơi dòng sông Mékong bắt đầu đổ vào Nam Bộ nên là tỉnh đầu tiên đón nhận nguồn tài nguyên nước dồi dào. Sông nước kiến tạo nên đời sống dân cư, mang phù sa mùa lũ xanh ruộng vườn đã gây dựng làng xóm trù mật, nhịp sống người dân. Đồng thời sông nước thuận lợi cho phát triển giao thương thủy, làm thủy lợi nội đồng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và đặc biệt phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản nơi ngã ba sông - thủ phủ cá da trơn xuất khẩu; và những làng bè trên sông, kiến tạo một đời sống dân cư đặc trưng của những cư dân “đô thị trên sông”. Cùng với sông nước, hệ sinh thái vùng Bảy Núi cũng tạo nên những nét đặc trưng đời sống dân cư và văn hóa cho vùng đất.

Do vậy, xét trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cùng với hệ sinh thái tự nhiên đặc thù, và với những giá trị lịch sử, văn hóa đặc trưng, rất riêng... thì An Giang còn được xem là một tiểu vùng văn hóa trong tiểu vùng Tây Nam Bộ. Bởi nơi đây còn có một bề dày lịch sử - văn hóa truyền thống hội tụ của các dân tộc Kinh - Hoa - Khmer - Chăm sinh sống, cư trú từ lâu đời ở vùng đất giáp biên. Vậy nên vùng đất phen đậu này từ rất sớm đã phát triển hoạt động giao lưu, giao thương kinh tế biên giới và du lịch xuyên quốc gia với quốc gia Campuchia. Và không chỉ là vùng đất có những danh thắng đẹp, những di tích lịch sử - văn hóa truyền thống lâu đời mà An Giang còn là một vùng đất linh thiêng, huyền bí của Nam Bộ gắn với sự khởi thành và phát triển của các tôn giáo nội sinh: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu nghĩa, Hòa Hảo... làm nên tinh thần văn hóa tôn giáo - bản sắc văn hóa riêng cho vùng đất. Bên cạnh đó, phải kể đến sự phong phú của hệ thống các làng nghề truyền thống: nghề làm đường thốt nốt, nghề làm gôm của người Khmer, nghề đờn đệm, nghề dệt của người Chăm..., và nhiều lễ hội đặc sắc của các dân tộc ở An Giang: lễ hội vía Bà Chúa Xứ Núi Sam, lễ Ooc Om Bóc, lễ hội Kỳ Yên đình thần Thoại Ngọc Hầu, lễ giỗ Đức Quán cơ Trần Văn Thành, lễ vía Đức Bồn sư Ngô Lợi..., Hội Đua bò Bảy Núi. Và có một loại hình nghệ thuật biểu diễn dân gian sân khấu truyền thống làm nên nét độc nhất vô nhị cho tiểu vùng văn hóa An Giang đầu nguồn, giáp biên cần được nhắc đến - đó là nghệ thuật sân khấu Dì kê (Lakhon Yike) của người Khmer ở xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (Nay là xã Ô Lâm, tỉnh An Giang).

Nói về nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer ở xã Ô Lâm, đây là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian đã tồn tại từ lâu đời, từng rất gắn bó với đời sống tinh thần của bà con vùng đồng bào Khmer Bảy Núi. Song đối với người bên ngoài vùng đất thì loại hình nghệ thuật này vẫn còn là một ẩn số văn hóa rất ít người biết đến và hiểu biết về những đặc điểm nghệ thuật, cả những đóng góp của nó trong đời sống tinh thần của cộng đồng Khmer vùng biên nhất là trong những năm trước giải phóng và cho đến những năm thập niên 90 của thế kỷ XX và bắt đầu mất dần vai trò những năm đầu thế kỷ XXI khi các loại hình nghệ thuật mới, các hình thức giải trí mới phát triển.

Có thể nói, nghệ thuật sân khấu diễn xướng dân gian Dì kê là một loại hình sân khấu dân gian Khmer độc đáo có một không hai của đồng bào dân tộc Khmer vùng Bảy Núi nói riêng và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung. Nghệ thuật này không chỉ thể hiện nét đẹp văn hóa truyền thống đậm chất nhân văn của người Khmer vùng Bảy Núi mà sự hiện diện của loại hình này còn khẳng định những giá trị lịch sử phát triển cộng đồng Khmer bản địa vùng biên và là một di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu giải trí mang tính đại chúng trong bối cảnh hội nhập văn hóa hiện nay và rất ý nghĩa cho những người nông dân Khmer trong các phum/ sóc sau những giờ lao động vất vả trên đồng ruộng, ngoài cuộc sống.

PHẦN THỨ NHẤT

TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Tính cấp thiết xây dựng đề án

1). Ở Nam Bộ, nhiều thế hệ người Khmer trong hàng thế kỷ sinh tồn trên mảnh đất đồng bằng sông Cửu Long đã không ngừng sáng tạo, chắt lọc và giữ gìn nhiều loại hình sân khấu nghệ thuật diễn xướng dân gian của riêng mình gắn liền với môi trường văn hóa, những phong tục tập quán từ bao đời nơi phum sóc. Họ giữ gìn và phát triển loại hình này ngày càng gần gũi với đời thường và là món ăn tinh thần không thể thiếu trong những dịp sinh hoạt văn hóa nghệ thuật của lễ hội, tôn giáo.... Sân khấu nghệ thuật diễn xướng dân gian của người Khmer Nam bộ còn là kết quả của sự giao lưu về văn hóa giữa các dân tộc Việt, Hoa và Khmer trong quá trình cộng cư trên vùng đất Nam Bộ, nổi bật là ba loại hình nghệ thuật: Rô băm, Dù kê và Dì kê.

Cho đến nay, nhiều người vẫn lầm tưởng Dù kê và Dì kê là cùng một loại hình và từ “Dù kê” là do từ “Dì kê” đọc trại ra mà thôi, bởi vì trong ngôn ngữ Khmer không có từ “Dù kê” mà chỉ có từ “Dì kê”. Dù kê là đứa con tinh thần của người Khmer ở Nam Bộ, phát triển sang đất nước Campuchia vào những năm 1930 dưới tên gọi là La khon Bassac (sân khấu vùng Bassac). Trong khi đó, nguồn gốc của “Dì kê” vẫn còn là một câu hỏi còn bỏ ngõ¹. Dì kê và Dù kê đều là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố: diễn xuất, ca, vũ, biểu diễn nhạc cụ và chuyển tải kịch bản sân khấu; có mối quan hệ mật thiết với yếu tố cơ bản của nghệ thuật Yikey Mã Lai và Likey Thái Lan; và là truyền thuyết dân gian, lời thoại, âm nhạc và sự hài hước; học hỏi những điệu nhảy của Ấn Độ².

Dù vậy, các nghiên cứu gần đây vẫn cho rằng, Dù kê và Dì kê là hai loại hình nghệ thuật sân khấu khác nhau, dựa trên một số đặc điểm sau: sân khấu Dù kê có nguồn gốc từ điệu múa Rô băm kết hợp với Kinh kịch và hát Tiều của người Hoa và Cải lương của Nam Bộ vào đầu thế kỷ 20; các điệu hát của Dù kê dùng để truyền đạt nội dung tuồng tích, múa chỉ là yếu tố minh họa; được phổ biến ở nhiều nơi có người Khmer sinh sống tại các tỉnh ở Nam Bộ như Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc

¹ Lâm Quang Hiến. Tìm hiểu văn hóa lịch sử Nam bộ: Bảo tồn sân khấu Dù kê, Dì kê Nam bộ. vanhoalichsuangiang.blogspot.com ngày 6/12/2014.

² Đào Thị Diễm Trang. Một số nét tương đồng giữa Dù kê, Dì kê và Li kê. Tạp chí khoa học số 13, tháng 3/2004, Đại học Trà Vinh.

Liêu, Kiên Giang.... Còn Dì kê thì phần vũ đạo là yếu tố chính, lời ca đóng vai trò thứ yếu; Dì kê chỉ tồn tại ở các vùng miền núi của An Giang như Tri Tôn, Tịnh Biên...

Nghệ thuật sân khấu Dì kê gồm 3 yếu tố cấu thành: Kịch bản, trang phục và âm nhạc. Các yếu tố này không theo khuôn mẫu nhất định mà biến động theo điều kiện của các đoàn hát và nơi biểu diễn; theo cảm thụ, nhận thức, trí tuệ sáng tạo của bản thân diễn viên. Dì kê có thể biểu diễn tại sân chùa, trong các ngày lễ lớn của người Khmer như Chol Chnăm Thmey, Sen Dolta, Oc Om Bóc... hay trên những sân phơi lúa sau mùa gặt để phục vụ bà con.

Kịch bản hầu như được truyền miệng qua nhiều thế hệ bằng tiếng Khmer chứ không ghi thành văn bản. Vì vậy công việc sưu tầm những kịch bản Dì kê có phần khó khăn vì có rất nhiều dị bản. Nội dung các kịch bản này nhằm đề cao tính nhân văn trong con người: ở hiền gặp lành, kẻ ác sẽ bị trừng phạt gắn liền với triết lý của Phật Giáo Nam Tông là tôn giáo chính của người Khmer.

Dì kê có sự tiếp bước cải tiến và phát triển, các nhân vật hóa trang theo phân vai chính diện, phản diện có kết hợp đối thoại, hát với nhau tạo nên sức hút khán giả hơn. Mỗi tuồng diễn đều thực hiện với diễn biến thời gian, không gian nghệ thuật và cũng tuân thủ kết thúc có hậu bằng mô tip “chính nghĩa thắng gian tà”, “ở hiền gặp lành”.

Trang phục và những đạo cụ của những nhân vật trong tuồng đều có những kiểu cách và qui định riêng do chính các diễn viên sáng tạo ra sau những giờ diễn sáng.

Độc đáo nhất trong nghệ thuật sân khấu Dì kê chính là các điệu "lăm" (tương tự như các lòng bản trong vọng cổ của người Việt). Điệu “lăm” trong sân khấu dì kê có đến hơn 40 điệu, mỗi điệu đi kèm với một kiểu múa và hát bè khác nhau để minh họa cho từng trường đoạn đau khổ, yêu thương, hài hước...

Những bài hát trong mỗi tuồng tích Dì kê thường được viết lại lời mới dựa theo nền bản nhạc dân gian có sẵn. Bài hát mới phải phù hợp với sắc thái tình cảm của phân đoạn trong cốt truyện. nhiều bài viết mới có ảnh hưởng của nhạc người Triều Châu, người Quảng để biến thành những bài ca Dì kê.

Các hình thức ca nhạc Khmer, thường thấy trong Dì kê, gồm có các giai điệu như sau:

- Som Pông: Dùng để diễn tả cảnh vật thiên nhiên.
- Lôm: Dùng để diễn tả tỏ tình.

- Phat Chaey: Miêu tả tính cách giận dữ.
- Ăng Ko reach: Miêu tả tâm trạng đau khổ, biệt ly.

Các loại hình nêu trên thuộc các bản nhạc chính và có những giai điệu phụ khác. Những thi sĩ, nghệ nhân dân gian cũng đã chuyển thể thành tiểu bản gọi là bài ca Ba Sac (Bài ca sản sinh ra ở vùng sông Hậu) trong sân khấu Dì kê. Khi biểu diễn, diễn viên chỉ cần nói tên giai điệu thì nhạc công sẽ đàn đúng với giai điệu dân gian ấy³.

Trong các vở diễn Dì kê luôn có những vai diễn hề để chọc cười cho khán giả. Vai hề kể những câu chuyện hài hước, có tình huống “tung hứng” tạo sự nhẹ nhàng, thoải mái, gần gũi với người xem.

Nhạc cụ dùng trong sân khấu Dì kê bao gồm đàn Khum Tôch, đàn Chapây Chomriêng, đàn Tà khê, đàn Truô Nguôk... Nhạc cụ hơi có kèn Srolai Pinn Peat, kèn Srolai Rôbăm..., đặc biệt không thể thiếu vắng nhạc cụ trống Skô Yike. Đây là nhạc cụ linh hồn của sân khấu Dì kê, một loại trống kể mang tính tự sự. Tùy theo điều kiện mà các đoàn có thể sử dụng các loại nhạc cụ khác nhau.

2). Ở xã Ô Lâm, tỉnh An Giang, mọi người đều biết đến ông Chau Cheap (57 tuổi), bởi ông đã có công gìn giữ loại hình nghệ thuật Dì kê Bảy Núi⁴. Đoàn nghệ thuật Dì kê của Tri Tôn do ông Chau Cheap trưởng bầu gánh, hiện có hơn 20 thành viên, từng đại diện cho tỉnh An Giang và đồng bào Khmer Nam Bộ tham dự các Liên hoan Văn hóa dân tộc Khmer tại nhiều địa phương trong nước và giành được nhiều giải thưởng. Đây cũng là đoàn Dì kê duy nhất còn tồn tại.

Sân khấu Dì kê ở Tri Tôn đã khôi phục và dựng lại được khoảng 10 kịch bản cổ (Chấn tinh, Tum Tiêu, Chanh-phơ-pha, Chăm-pru-sa-tút, Sâng-sâl-chây, Pro-let-xinh-lá vung...) để biểu diễn phục vụ đồng bào trong các dịp lễ tết.

Tuy nhiên, những nghệ nhân trong đoàn Dì kê hiện nay không còn nhiều. Những tên tuổi nghệ nhân như Châu Nhâm, Néang Mẹ À Leo, Châu Nghinh, Néang Sol, vợ chồng Châu Cheap (Châu Men Saray và Néang Ok) hiện vẫn là những ngôi sao sáng trong lòng người hâm mộ Dì kê ở Ô Lâm và các xã lân cận. Bên cạnh đó, vì mưu sinh, nhiều diễn viên đã phải từ bỏ niềm đam mê sân khấu Dì kê, rời quê hương đi làm công nhân tại các khu công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Châu Sóc Kha. 2011. *Tiếng hát trên sân khấu Dì kê Nam bộ*. Tạp chí Văn hóa – Lịch sử An Giang, số 80, tháng 11/2011.

⁴ Thanh An, Nguyễn Hành. *Gặp người giữ hồn cho nghệ thuật Dì kê Bảy Núi*, Dân Trí 11/2/2013.

Việc tuyển các diễn viên mới gặp rất nhiều khó khăn bởi vì để học thuộc lòng kịch bản, nắm vững các điệu múa và hát được các điệu/ bài “lăm” họ cũng phải mất gần 1 năm. Ngoài ra các diễn viên không được hưởng quyền lợi nào khác ngoài tiền bồi dưỡng lúc trình diễn và tiền thưởng từ những thành tích đã đạt được trong các buổi hội diễn. Những diễn viên đoàn Dì kê ban ngày làm những công việc lao động sản xuất khác nhau, ban đêm rảnh rỗi mới có thể hẹn nhau đến sân tập hát. Những khó khăn trên khiến sân khấu Dì kê tại An Giang ngày càng bị thu hẹp không thể phát triển được.

Đoàn hát Dì kê hoạt động vẫn chủ yếu là mang tính tự phát, tự quản, biểu diễn khi địa phương cần. Đồng thời lực lượng nghệ nhân chưa được trang bị đầy đủ những kiến thức lý luận về bảo vệ và phát huy nghệ thuật biểu diễn truyền thống sân khấu Dì kê nên chưa hiểu được những đặc trưng nghệ thuật, loại hình nghệ thuật sân khấu này.

Vẫn có những người tâm huyết với nghề như con gái của nghệ nhân Chau Cheap là nghệ nhân Neang Kunh Thia, có năng khiếu nghệ thuật và đam mê loại hình nghệ thuật Dì kê, hiện là trụ cột chính trong Đoàn Dì kê xã Ô Lâm. Song hiện nay, diễn viên vì kinh tế đi làm ăn xa, ông bầu của gánh hát mất. Đoàn hát khó duy trì, nguy cơ thiếu hụt diễn viên tiếp nối, không có kinh phí để hoạt động; việc mua sắm đạo cụ, trang phục, tổ chức tập luyện khi địa phương đặt hàng, mời biểu diễn phục vụ cho những nhiệm vụ chính trị, hay nơi khác mời đoàn. Do vậy, tính chất hoạt động mang tính bán chuyên nghiệp, mọi người tập hợp lại tập luyện chỉ thuần túy dựa vào niềm đam mê, yêu nghề của một vài cá nhân..., không tránh khỏi Dì kê ngày càng mai một và có thể biến mất. Thực tế là, đoàn hát Dì kê Ô Lâm năm 2015 đã không còn hoạt động quy mô như một đoàn hát trước đây. Theo đó, các vở diễn, bản nhạc, điệu múa, điệu hát lăm... sẽ không có người gìn giữ, lưu truyền cho các thế hệ sau.

Từ những cơ sở trên, cần thiết có một đề án bảo vệ và phát huy nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê của người Khmer xã Ô Lâm, tỉnh An Giang và xây dựng các biện pháp lưu giữ, bảo vệ cũng như có kế hoạch khôi phục, phát triển loại hình nghệ thuật này, để Dì kê vẫn là một nghệ thuật sân khấu truyền thống đi cùng với cuộc sống đương đại của cộng đồng Khmer.

1.2. Căn cứ xây dựng đề án

- Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Đại Hội đồng tổ chức Giáo Dục; Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc họp phiên 32 tại Paris ngày 29 tháng 9 đến 17 tháng 10 năm 2003;

- Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09-6-2014 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về “*Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới

- Luật Di sản Văn hoá số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009, từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 thực hiện theo Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, về việc thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

- Nghị định số 39/2024/NĐ-CP, ngày 16-04-2024 của Chính phủ về “Quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia”.

- Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;

- Quyết định số 1581/QĐ-TTg, ngày 9-10-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt *Quy hoạch chung vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2050*;

- Quyết định số 1755/QĐ-TTg, ngày 09-9-2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”;

- Quyết định số 803/QĐ-BVHTTDL, ngày 9-3-2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt *Đề án phát triển du lịch Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2020*;

- Quyết định số 160/QĐ-BVHTTDL, ngày 02-02-2023 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc đưa “Nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer xã Ô

Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” vào *Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia (thuộc loại hình: Nghệ thuật trình diễn dân gian)*;

- Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND, ngày 11-10-2012 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh về việc ban hành *Quy định phân cấp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh An Giang*;

- Quyết định số 1968/2012/QĐ-UBND ngày 18-09-2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt *Đề án đào tạo nguồn nhân lực du lịch tỉnh An Giang, giai đoạn 2013-2020*;

- Quyết định số 1008/QĐ-UBND, ngày 01-07-2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt *Quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*;

- Quyết định số 1131/QĐ-UBND, ngày 22-07-2014 của Ủy Ban Nhân dân về việc phê duyệt *Quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*;

- Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 19/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về “*Quy hoạch phát triển nghệ thuật biểu diễn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*”;

- Quyết định số 2561/QĐ-TTg, ngày 31-12-2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “*Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số*”;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14-10-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*;

- Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025*;

- Quyết định số 160/QĐ-BVHTTDL, ngày 02-02-2023 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc đưa “*Nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*” vào *Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia*;

- Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND ngày 28-12-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Ban hành *Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang*.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CỦA XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

2.1. Mục tiêu xây dựng đề án

2.1.1. Mục tiêu chung

Đánh giá đầy đủ về thực trạng bảo vệ Nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê của người Khmer xã Ô Lâm, tỉnh An Giang. Từ đó đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian này trong đời sống và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đồng thời hiện thực hóa đưa di sản văn hoá phi vật thể này trở thành một loại hình trình diễn đặc sắc của người Khmer vùng biên giới, góp phần quan trọng đóng góp vào việc nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho cộng đồng tộc người và phát triển kinh tế - xã hội vùng giáp biên.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể nói chung, di sản văn hoá phi vật thể về Nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê của người Khmer xã Ô Lâm, tỉnh An Giang nói riêng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hành, sáng tạo và môi trường truyền dạy di sản văn hoá phi vật thể nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê của nghệ nhân, diễn viên trong cộng đồng, nhằm phục hồi hoạt động gánh hát, quy tụ được các diễn viên. Đồng thời nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của cộng đồng tộc người và nhân dân địa phương.

- Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo vệ và phát huy nghệ thuật sân khấu Dì kê: xây dựng cơ chế hoạt động, tạo dựng môi trường hoạt động nghệ thuật, kế thừa thế hệ sân khấu trong cộng đồng để đưa nghệ thuật sân khấu gần hơn với giới trẻ và gắn mục tiêu bảo vệ với phát huy giá trị nghệ thuật trình diễn dân gian sân khấu Dì kê.

- Phối hợp với các đơn vị truyền thông, chính quyền địa phương và các đoàn thể tổ chức thường xuyên và định kỳ các chương trình giới thiệu, quảng bá về di sản văn hoá phi vật thể sân khấu Dì kê của người Khmer dưới nhiều hình thức, nhằm giáo dục thẩm mỹ, cảm thụ nghệ thuật sân khấu cho thế hệ trẻ.

- Đãi ngộ, khen thưởng và đề xuất phong tặng danh hiệu “nghệ nhân ưu tú”, “nghệ nhân nhân dân” cho các nghệ nhân, trí thức, nhạc công...giữ kỹ năng, bí quyết thực hành và có nhiều đóng góp xuất sắc trong việc bảo vệ và phát huy giá trị của Nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê xã Ô Lâm. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các nghệ nhân, trí thức, nhạc công... gánh hát có cơ hội giao lưu, học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài nước.

2.2. Yêu cầu của xây dựng đề án

2.2.1. Yêu cầu khoa học

- Đề án được xây dựng dựa trên những cơ sở khoa học và thực tiễn, từ những kết quả khảo sát, sưu tầm, điều tra và nghiên cứu đánh giá thực trạng trình diễn nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer ở Ô Lâm, tỉnh An Giang.

- Đề án đáp ứng được các yêu cầu về công tác quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hoá phi vật thể quốc gia của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2.2.2. Yêu cầu thực tiễn

- Đề án phục vụ công tác quản lý, bảo vệ gắn với phát huy giá trị nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer ở Ô Lâm, tỉnh An Giang trong bối cảnh hội nhập văn hóa, phát triển nghệ thuật biểu diễn Việt Nam phong phú về loại hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam đa dạng, tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

- Đề án nhằm nâng cao nhận thức trong cộng đồng, các nhà quản lý, chính quyền địa phương về giá trị, vai trò nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê của người Khmer ở Ô Lâm, tỉnh An Giang. Từ đó, xác định trách nhiệm bảo vệ và phát huy nghệ thuật trình diễn dân gian này trong sự phát triển kinh tế xã hội, giữ được tinh hoa văn hóa, bản sắc tộc người.

- Đề án đáp ứng yêu cầu phát huy giá trị văn hoá phi vật thể gắn với phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

- Đề án góp phần nâng cao đời sống tinh thần, phục vụ nhu cầu giải trí và giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người Khmer xã Ô Lâm, tỉnh An Giang.

PHẦN THỨ BA
NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY
GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÌ KÊ CỦA NGƯỜI KHMER
Ở TỈNH AN GIANG

3.1. Nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng Khmer vùng Bảy núi, tỉnh An Giang

3.1.1. Về nguồn gốc của loại hình nghệ thuật sân khấu Dì kê

Bàn về nguồn gốc loại hình sân khấu dân gian Dì kê của người Khmer ở An Giang hiện tồn tại nhiều quan điểm, ý kiến chưa rõ ràng và nhiều cách lý giải khác nhau: tác giả Lâm Thanh Quang xem Dù kê (Lakhon Bassac) và Dì kê là một loại hình nghệ thuật dân gian, đều có lịch sử bắt nguồn từ sự giao lưu về văn hóa giữa người Kinh, Hoa và Khmer sống chung với nhau hàng thế kỷ⁵; tác giả Lâm Quang Hiến thì còn khẳng định rằng loại hình sân khấu Dì kê hầu như đã biến mất ở đất nước Campuchia và chỉ còn tồn tại ở hai huyện miền núi Tri Tôn và Tịnh Biên của An Giang chứ không phát triển sang các tỉnh có loại hình sân khấu Dù kê. Tác giả còn nhấn mạnh: sân khấu Dì kê kết hợp giữa điệu múa Ro Băm và hát Lăm của người Khmer với phong cách trình diễn của Hát bội Bình Định được hình thành để phục vụ cho dân quân người Khmer tham gia việc đào kinh Vĩnh Tế⁶; hay tác giả Châu Sóc Kha cho rằng: Dì kê xuất hiện ở những năm đầu thế kỷ XX, đó là sản phẩm phát triển từ loại hình múa Rô băm kết hợp với hát và nói có vần có điệu tạo nên ca nhạc trên sân khấu Dì kê⁷...

Dựa trên công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài, Catherine Diamond trong “*Emptying the Sea by the Bucketful: The Dilemma in Cambodian Theatre*” đã khẳng định sân khấu Dì kê/ nhà hát Dì kê (Yike theater) là một loại hình sân khấu lâu đời nhất trong 3 hình thức sân khấu Yike, Lakhon Bassac (sân khấu Dù kê/sân khấu Bassac) và Lakhon Niyeay (kịch nói hiện đại) nổi tiếng của Campuchia. Dì kê có nguồn gốc từ thời kỳ Angkor. Người ta cho rằng, nó đã có

⁵ Lâm Thanh Quang, Sân khấu dù kê, *dì kê trong lòng người Khmer Nam Bộ*. <http://vanhoalichsuangiang.blogspot.com/2013/05/san-khau-du-ke-di-ke-trong-long-nguoi.html> (Truy cập 18-12-2024).

⁶ Lâm Quang Hiến (2019), *Bảo tồn nghệ thuật sân khấu Dì kê tại xã Ô Lâm huyện Tri Tôn*, trong “Hội thảo khoa học: Vùng đất Tri Tôn 180 năm hình thành và phát triển (1839-2019)”. Hội Khoa học lịch sử tỉnh An Giang, tr. 228.

⁷ Châu Sóc Kha (2011), *Tiếng ca trên sân khấu Dì kê Khmer Nam Bộ*, T/c Văn hóa các dân tộc số 10-2011, tr.4-5.

những thuộc tính nghệ thuật quan trọng từ thời đầu vua Angkor - Jayavarman II (802 - 850). Tác giả đã phỏng vấn một người biểu diễn và cũng là thầy dạy Dì kê - Khoun Vuthy thì được nhấn mạnh thêm: khi vua Jayavarman II thăm Java và sau đó thăm vua nước láng giềng ở kinh đô Srivijaya (đảo Malayu), thì ngài đã mang về chiếc trống *skor yike*. Đây là loại trống lớn thường được sử dụng trong dịp đám cưới của người Hồi giáo mà nhịp điệu trống chi phối bài hát và âm nhạc Yike⁸. Theo học giả /nhà soạn kịch Pich Tum Kravel nổi tiếng của Campuchia thì Ông cho rằng: nguồn gốc của nghệ thuật Dì kê có liên quan đến việc sử dụng một loại nhạc cụ là trống *skor yike*, nguồn gốc của trống được cho là tiếp nhận từ quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa với những người Chăm (người Chăms) - là một nhóm người theo Hồi giáo ở Campuchia mà họ thường xướng thơ tụng theo nhịp đệm của trống⁹. Yike còn được cho là có nguồn gốc từ Champa và được nhập khẩu vào Campuchia thời kỳ Phù Nam¹⁰; hay trong danh sách những di sản văn hóa phi vật thể của Campuchia thì Yike là một hình thức sân khấu ca nhạc cổ xưa và phổ biến của Campuchia, được cho là có nguồn gốc từ những người đi biển. Liên quan đến cách sử dụng lời thơ trong các bài hát, được giả định là xuất hiện vào cuối thế kỷ 8 dưới thời vua Jayavarman II và rất phổ biến vào những năm 1920¹¹; nhưng cũng có ý kiến cho rằng nguồn gốc sân khấu Yike không rõ ràng. Hình thức hiện tại của Yike có lẽ đã có từ cuối thế kỷ 19, được phát triển từ các buổi biểu diễn nhỏ của những người đi biển và các thương nhân Malay, nó kết hợp chặt chẽ cả kỹ thuật hát và thể thơ Khmer cổ¹².

Trong khu vực, sân khấu Dì kê/ Lakhon Yike được cho là có một số đặc điểm nghệ thuật tương đồng với các hình thức sân khấu như Jikey của Malay và Likay của Thái Lan trong sự pha trộn giữa vũ đạo cổ điển và hiện đại, đến lời bài hát, sử dụng nhạc cụ cả truyền thống và hiện đại, thường lấy chủ đề từ những tích truyện xưa về các vị vua và truyện tích dân gian... nhưng sân khấu Yike của Campuchia vẫn có đặc điểm nghệ thuật khác với những loại hình sân khấu này ở nghệ thuật âm nhạc, sân khấu lấy nhạc cụ trống làm nhịp điệu chủ đạo¹³. Điều này khẳng định, Dì

⁸ Catherine Diamond (2003), *Emptying the Sea by the Bucketful: The Dilemma in Cambodian Theatre*, Asian Theatre Journal, Vol. 20, No. 2 (Autumn, 2003), pp. 155.

⁹ Catherine Diamond (2003), pp. 155.

¹⁰ Nguồn từ điển mở Wiki: <https://en.wikipedia.org/wiki/Yike> (truy cập 22-12-2024).

¹¹ The Intangible Heritage List of Unesco, tr. 47.

¹² <http://www.jiras.se/lakhaon2010/notreonline/info.html> (truy cập 16-12-2024).

¹³ Catherine Diamond (2003), pp. 155.

kê chính là một trong những loại hình sân khấu cổ lâu đời của người Khmer tồn tại bên cạnh những hình thức sân khấu dân gian khác trong khu vực Đông Nam Á.

Giải thích nguồn gốc Di kê dựa vào sự có mặt của trống *skor yike* - là nhạc cụ chủ lực của loại hình nghệ thuật này, tác giả Pich Tum Kravel nhấn mạnh hơn trong nghiên cứu của mình “*Yike and Bassac theaters*”¹⁴, tác giả đã chứng minh rằng tiếp nhận nhạc cụ trống từ người Chăm là dựa trên những cứ liệu lịch sử xác thực về mối quan hệ qua nhiều thế kỷ giữa hai nước¹⁵, trong đó có nhiều ảnh hưởng văn hóa qua lại, kể cả qua hôn nhân giữa Campuchia với vương quốc Champa trong quá khứ mà trong đó có trống Yike: đó là người Chăm thường dùng loại trống này để tế thần trong các nghi lễ của tín đồ Bà La Môn giáo và trong nghi lễ đám cưới. Sau này người Chăm ở Campuchia vẫn thấy sử dụng loại trống này như là một dụng cụ tế thần nhằm tăng cường sự ảnh hưởng của Islam giáo trong cộng đồng người Chăm. Hiện nay, người Chăm sống ở các tỉnh Campuchia như Kom pong Cham, Kan Dal, Kom Pong Tro Leach, Kom pong Chnang... vẫn còn sử dụng loại trống tế này trong các nghi lễ truyền thống như đám cưới hoặc tụng kinh, hành lễ của tôn giáo... nhưng không dùng trong nghệ thuật biểu diễn như người Khmer.

Khi người nông dân Khmer tiếp nhận với hình thức trình diễn gồm nhiều người diễn ngồi thành một vòng tròn đánh trống, số lượng trống từ 2 đến 13 trống yike biểu diễn theo quy mô đội/nhóm, để khán giả có thể xem từ mọi hướng nhằm truyền bá sự ảnh hưởng của đạo Bà La Môn hoặc Phật giáo ở Campuchia bằng cách trình diễn nhiều sự tích khác nhau. Dần dà loại hình nghệ thuật này tiến đến một bước hoàn thiện những đặc tính nghệ thuật sân khấu Khmer hoàn toàn. Sau đó nghệ thuật này ngày càng phổ biến trong xã hội Campuchia và trở thành một loại hình nghệ thuật sân khấu biểu diễn nói về cuộc sống và sinh hoạt của người dân Khmer. Nhiều nhà nghiên cứu Campuchia cho là những năm cuối thập niên 1800 (đầu thế

¹⁴ Pich Tum Kravel (1997), *Yike and Bassac theaters*, Royal University of Fine arts, tr.1-3 (Chau Soc Thanh dịch).

¹⁵ - Mối quan hệ là bạn thân thiết giữa Peah-Thon “vị vua đầu tiên của Khmer” và vua Asochay của Chăm thế kỷ thứ 1 Công nguyên.

- Trong triều đại vua Mohintryavacman và CheTrasena (600 - 616), vị vua này có cử 01 vị quan tên Seunghaktevac để liên hệ tạo mối quan hệ với Chămpa trị vì tên SomphoVacman.

- Triều đại Preah Bath Eysanvacman thứ 01, con của ChetTraSena, vua Chăm tên Cheakunthommia từng lại Campuchia và kết hôn với con gái của ngài tên SaRavani.

- Sự kiện trong triều đại Preah Bath Jayavacman thứ II tự thoát thân từ đảo Java tuyên bố độc lập tại Te Hintek Bopit (Núi Ku Lén) vào năm 802 không còn công nhận Say Linh Trek là người cai quản ở vùng đất Khmer.

- Sự kiện năm 1177, khi Champa phá vỡ thành Ăngkor và các sự kiện Preah Bath Jayavacman VII... là minh chứng cụ thể.

kỷ 19) thì Yike đạt đến sự phổ biến khắp đất nước Campuchia. Hiện nay, hình thức nghệ thuật này vẫn còn phổ biến ở các vùng nông thôn của Campuchia: Xiêm Riệp, Kompong Cham, Pursat, Kompong Chhnang, Svay Rieng, Ta keo...

Dựa trên những đặc điểm nghệ thuật của Dì kê, tác giả Pich Tum Kravel nhấn mạnh: hầu như các giai điệu của bài hát Dì kê thường sử dụng thể thơ tứ tuyệt và *“Thơ này là thể “thơ già” có tuổi đời lâu nhất và ngoài loại hình nghệ thuật Dì kê, người ta nhận thấy rằng chỉ có trong nhạc tế thần và nhạc truyền thống “nhạc cưới” có từ nhiều thế thế kỷ qua”*. Còn nếu nhìn qua cách phục trang, trang điểm trong các vai diễn của Dì kê thì dấu ấn Chăm còn thấy trên má, trang phục lấy từ hình thức nghệ thuật Rô băm cổ Khmer¹⁶.

Dựa trên nguồn dữ liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu, điền dã, phỏng vấn sâu một số trí thức, sư sãi và nghệ nhân, diễn viên Dì kê thì tất cả đều nhấn mạnh đến nguồn gốc rất lâu đời của loại hình nghệ thuật dân gian này ở vùng Ô Lâm. Họ không biết có từ khi nào chỉ biết rằng từ rất nhiều thế hệ trước đó đã biết đến Dì kê. Đặc biệt họ đều nhấn mạnh đến vai trò của nhạc cụ trống Dì kê (skor yike) *“không có trống Dì kê thì không ra nghệ thuật sân khấu Dì kê”*¹⁷. Trong đoàn hát Dì kê, trống luôn được người biểu diễn xem là một nhạc cụ thiêng, người nhạc công luôn dành cho trống sự kính trọng, xem như một vị thần. Đặc biệt trong phần múa cúng Tổ mở đầu một vở diễn hay trích đoạn, trong một số lời bài hát có một số từ cổ lặp lại trong bài hát mà người diễn viên hát không hiểu được ý nghĩa của từ đó là gì, vì những từ đó không có trong tiếng Khmer¹⁸. Phải chăng đó là tàn dư những câu chú trong kinh tụng thực hành của nghi cúng tế thần xưa của người Chăm, người Malay còn lưu giữ? Ngay cả sắp đặt không gian sân khấu Dì kê với cách thể hiện “vòng tròn” vẫn còn thấy được qua lối trình diễn trên một không gian sân khấu chung gồm dàn nhạc, đội hát đệm, diễn viên đều hiện diện trên sân khấu Dì kê.

Vậy tại sao nghệ thuật sân khấu Dì kê lại chỉ tồn tại ở vùng Bảy Núi, cụ thể là hiện còn duy trì ở xã Ô Lâm mà không có ở các vùng dưới nơi tập trung nhiều người Khmer sinh sống như Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu (nay là Vĩnh Long, Cần Thơ, Cà Mau)

¹⁶ Pich Tum Kravel (1997), Sđd, tr.1-3.

¹⁷ Phỏng vấn Nghệ nhân Kunh Thia đoàn Dì kê Ô Lâm (ngày 24-12-2024).

¹⁸ Phỏng vấn nghệ nhân Kunh Thia và nhà nghiên cứu văn hóa Khmer Chau Soc Mô Kha, (ngày 25-12-2024).

Ngay trong nghiên cứu của các học giả nước ngoài, khi viết về sự hiện diện của loại hình sân khấu này thì đều cho rằng loại hình dân gian này vẫn còn được duy trì ở nhiều vùng nông thôn của các tỉnh Campuchia và bởi cộng đồng Khmer Krom (cách gọi của người Campuchia gọi người Khmer ở Nam Bộ nói chung) ở miền Nam Việt Nam và họ vẫn gọi Dì kê/ Yike tương tự như phần còn lại của cộng đồng Khmer ở Campuchia. Điều này cho thấy Dì kê ở Ô Lâm cùng nguồn cội Yike ở Campuchia và chắc chắn đã tồn tại từ lâu đời với người Khmer bản địa ở Ô Lâm. Tuy nhiên, dù chung nguồn gốc song Dì kê ở Ô Lâm vẫn có những nét đặc thù nghệ thuật riêng và họ còn bảo lưu nhiều dấu vết/ tàn dư văn hóa truyền thống của loại hình này trong đời sống hiện tại. Đó là cộng đồng người Khmer ở đây có cách gọi riêng dành cho Dì kê, họ quen gọi hình thức nghệ thuật này bằng tên gọi *Lăm, Hát Lăm* hay *Chơi Lăm* (chỉ người tham gia vào đoàn Dì kê) để chỉ sân khấu Dì kê; ở một số vở diễn truyền thống ngoài những tích truyện dân gian là chủ yếu thì cũng có một vài trích đoạn được làm mới hơn bằng những câu chuyện gắn với vấn đề của đời sống xã hội hiện tại; hay có một số sáng tác những bài hát Bassac mới dựa trên nền các làn điệu Lăm truyền thống.

Do vậy, sự hiện diện của Dì kê ở vùng Bảy Núi có thể lý giải: loại hình nghệ thuật này đã tồn tại với cộng đồng Khmer tại chỗ từ lâu đời và được lưu giữ, truyền miệng qua nhiều thế hệ đến ngày nay. Có lẽ do loại hình này ra đời phát triển phổ biến ở Campuchia và vùng Bảy Núi lại giáp ranh biên giới với Campuchia, người dân vẫn qua lại làm ăn, mua bán tiếp xúc nhiều hơn so với bộ phận người Khmer sống ở vùng dưới nên vẫn còn là mảnh đất sinh dưỡng cho loại hình này tồn tại, ít chịu ảnh hưởng bên ngoài. Ngoài ra, Dì kê vẫn luôn có sức hấp dẫn, được đón nhận trong cộng đồng với 97% là người Khmer - nên cũng là động lực giúp bảo vệ loại hình này ở Ô Lâm, An Giang. Trong khi ở vùng dưới, cộng đồng người Khmer có môi trường tiếp xúc, giao lưu nhiều hơn với đa dân tộc Kinh - Hoa - Chăm, có cơ hội hấp thụ và chịu ảnh hưởng các loại hình nghệ thuật sân khấu nổi tiếng như Cải lương, Hát bội (người Kinh), hát Quảng, hát Tiều (người Hoa)... để sản sinh ra loại hình sân khấu Dù kê/ Yuke (Lakhon Bassac) nổi tiếng hiện nay. Do vậy, giả sử Dì kê nếu ban đầu có tồn tại thì cũng không đủ sức trụ lại trước sự phát triển, hấp dẫn của những loại hình sân khấu này. Vì thế, để có thể tồn tại, Dì kê phải tìm cách kết hợp linh hoạt với kiểu thức nghệ thuật từ các sân khấu bên ngoài và kết quả của sự thích ứng đó là sự ra đời của loại hình sân khấu Dù kê (Lakhon Bassac) được đón nhận khắp vùng đồng bằng Sông Cửu Long, sang cả Campuchia. Phải chăng vậy mà trong một nhận xét viết “*về nguồn gốc sân khấu Dù kê*”, tác giả Ngô Khị khi

viết về giai đoạn hình thành Dù kê: Sân khấu ca kịch Khmer có tên gọi ban đầu là “Du kê”. Từ ngữ “Du kê” không có nghĩa gì cả. Theo tôi, từ Du kê xuất phát từ hai chữ “*Di kê*” tên gọi một loại hình sân khấu hát lâu đời tại Campuchia. Hiện nay vẫn còn một số phum sóc Khmer ở Trà Vinh gọi là “À Pê”. Theo tài liệu tham khảo và qua phong cách Nghệ thuật biểu diễn thì Du kê của Khmer Nam Bộ có những đặc điểm rất giống với loại hình Di kê/ Yike của Campuchia như tên gọi các nhân vật, tên gọi các bài hát như: Lôm, Phôt chey, Angkor Réch... mặc dù chỉ là một nhưng được gọi gần như tương tự nhau qua cách phát âm”¹⁹... Tác giả Hoàng Túc đã bổ sung thêm cho sự khẳng định này: “Di kê bắt nguồn từ hình thức hát múa cổ truyền rất phổ biến trong những đám lễ, đám phước hàng năm, ở Hậu Giang vẫn còn có hình thức hát gọi là hát Di kê, điều đó có thể cho ta biết hình thức đầu tiên của Di kê cũng là hát múa (Lăm múa)”²⁰.

Tóm lại, thật khó truy được một mốc thời gian cụ thể trả lời chính xác sự ra đời của loại hình sân khấu dân gian này, bởi những thành tố nghệ thuật cấu thành nên nó tổng hợp từ nhiều nguồn (tiếp nhận trống té của người Chăm, nghệ thuật sân khấu có nhiều điểm tương đồng với Jikey của Malaysia, Likey của Thái Lan; điệu hát truyền thống Campuchia; sân khấu Ro Băm...) lại hình thành trong dân gian. Điều đó cho thấy quá trình hình thành loại hình sân khấu Di kê là một quá trình hoàn thiện định hình các thuộc tính nghệ thuật Khmer cho đến khi sân khấu dân gian Di kê hoàn thiện, trở nên phổ biến trong xã hội. Dựa trên những cứ liệu trên có thể khẳng định: nghệ thuật sân khấu Di kê là loại hình sân khấu cổ xưa, ra đời trước nghệ thuật sân khấu Dù kê (Lakhon Bassac).

Từ đó, liên kết lại những dữ liệu nghiên cứu của các học giả nước ngoài tìm hiểu về nguồn gốc sân khấu Di kê (Yike theater/ Folk theater), đặc biệt dựa trên những đặc điểm nghệ thuật Yike trong nghiên cứu của soạn giả Pich Tum Kravel, và qua nguồn dữ liệu phân tích từ một số bài viết của các tác giả địa phương và trong nước; từ thực tế tìm hiểu nghiên cứu tại xã Ô Lâm thông qua các vị trí thức, sư sãi, Acha, diễn viên Di kê thì lý giải nguồn gốc của nghệ thuật sân khấu Di kê đã rõ hơn. Có thể khẳng định:

¹⁹ Ngô Khi, “Nghệ thuật sân khấu Du kê (Lakhon Bassac)” trong *Về sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ*, Sở Văn hóa Thông tin Sóc Trăng, Phân viện Văn hóa nghệ thuật tại TP. HCM, tr.31.

²⁰ Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr.239. Trích lại: Trần Thị Lan Hương (2017), *Nghệ thuật múa trong sân khấu Rô băm và Dù Kê của người Khmer Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, tr.55.

1). Nghệ thuật sân khấu Dì kê là nghệ thuật sân khấu truyền thống cổ xưa mang đậm ảnh hưởng văn hóa Chăm và Malay, có sự kết hợp: âm nhạc chủ đạo là nhạc cụ trống Skor yike (ban đầu chuyên dùng cho nghi lễ tế thần và trong các đám cưới truyền thống của người Chăm Hồi giáo) + sử dụng lối thơ cổ + những điệu hát Lăm truyền thống Khmer + sân khấu Ro băm + những truyện tích dân gian truyền thống, câu chuyện nói về cuộc sống và sinh hoạt của người dân Khmer ở nông thôn + diễn xuất. Từ sự kết hợp đó, Dì kê trở thành một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian tổng hợp, phổ biến ở nông thôn Campuchia và Nam Việt Nam những năm đầu thế 19, hội tụ đủ 3 yếu tố cấu thành: kịch bản, khán giả và diễn viên để biểu diễn những câu chuyện dân gian, đặt vấn đề và giải quyết những vấn đề về xã hội, biểu tả cả lịch sử Khmer, trở thành một loại hình sân khấu diễn xướng dân gian truyền thống.

2). Xét trên những đặc điểm nghệ thuật thì Dì kê thuộc kịch chũng hát múa, là một hình thức sân khấu dân gian có diễn trích tuồng và hát múa truyện. Cụ thể hơn thì đó là một loại hình sân khấu âm nhạc tích hợp gồm hát, múa, đọc thơ, đối thoại và diễn xuất để chuyển tải cốt truyện. Hiện nay ở Việt Nam, Dì kê chỉ còn tồn tại ở xã vùng núi giáp biên giới Campuchia - là xã Ô Lâm, tỉnh An Giang, với đoàn nghệ thuật sân khấu Dì kê Ô Lâm, An Giang.

3.1.2. Đặc điểm nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer ở xã Ô Lâm

- Kịch bản:

Các vở diễn/tuồng Dì kê lấy cốt truyện từ nhiều nguồn khác nhau nhưng cơ bản vẫn lấy chất liệu từ những tích truyện dân gian, tích truyện “Lăm Rương”, các tích Phật giáo, Bà la môn, những câu chuyện về quan hệ thần thoại với thiên nhiên, huyền thoại, các sự kiện lịch sử hay về những nhân vật nổi tiếng gắn với thần, tiên, chằn (yak)... còn truyện Reamker hay truyện kể về cuộc đời đức Phật (Jatakas) thì hầu như chưa có vở diễn nào. Bởi diễn viên Dì kê đa phần trình độ hạn chế nên khó truyền đạt hết tính chất tôn giáo; việc xây dựng cốt truyện và chuyển tải thành kịch bản có phần vượt tầm của một người nông dân - cũng là thầy viết tuồng. Dì kê đã phản ánh về những vấn đề xã hội thời đó - những câu chuyện về tổ tiên, ông bà của họ, gửi thông điệp về sự gắn kết xã hội hay tìm cách thể hiện những vấn đề mà họ đang phải đối mặt trong cuộc sống hàng ngày của họ qua các tích truyện dân gian được diễn trên sân khấu Dì kê mà ngày nay giá trị của nó vẫn còn tính thời sự.

Trước đây các vở diễn Dì kê thường do ông thầy tuồng cũng là người quản lý đoàn Dì kê phác thảo nội dung vở diễn, dựa trên cốt truyện để phác thảo chứ không

có lời thoại phân vai thành một kịch bản như bây giờ. Dựa vào cốt truyện đó thì trên sân khấu người diễn viên giỏi có thể tự ứng biến lời thoại. Song do đa phần diễn viên trong đoàn không biết chữ nên thầy tuồng phải dạy, nhắc, truyền khẩu lại từng câu từng chữ cho đến khi diễn viên thuộc thoại. Sau này, một số thầy tuồng cũng soạn thành kịch bản song vẫn chỉ có tính chất phác thảo lại cốt truyện, phân vai diễn với những lời thoại đơn giản. Cũng có một số trích tuồng mà người viết không hề có kịch bản, diễn viên biểu diễn hoàn toàn ứng biến một cách ngẫu hứng. Điều này cho thấy kịch bản Dì kê không gò bó về cấu trúc và có lối diễn sáng tạo không phụ thuộc vào lối diễn ước lệ như sân khấu Ro Băm mà nó kế thừa.

Do vậy, việc truy tìm lại các kịch bản viết tay gặp khó khăn, không đầy đủ. Những năm gần đây, chủ đề Dì kê đã mở rộng hơn một chút song không nhiều, có kịch bản phân vai và lời thoại cho từng vai diễn, đã có một vài câu chuyện phản ánh vấn đề xã hội hiện tại. Hơn 10 kịch bản cổ đã được đoàn Dì kê Ô Lâm dựng lại, như: Chuyện tình Tum Teav, Huyền thoại Bô Pha Túp, Preah Thong và Neang Neak, Thạch Sanh chém chằn, Chuyện tình Têp Bau Kha và Thi Đa Bâu, Chằn tinh, Chanh sơ pha, Chăm pru Sa tut, Sang sâl chây...

- Ngôn ngữ nghệ thuật:

Nghệ thuật sân khấu Dì kê là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian tổng hợp, đan kết nhiều ngôn ngữ nghệ thuật tạo thành một chỉnh thể nghệ thuật toàn vẹn, được thể hiện sống động trên sân khấu ca kịch Dì kê. Mỗi một ngôn ngữ đảm nhiệm vai trò và có phương cách thể hiện riêng chuyên tải cốt truyện và diễn tả các cung bậc cảm xúc nhân vật để gửi đến khán giả - là những người nông dân lao động những thông điệp ý nghĩa của cuộc sống.

(1). Nghệ thuật âm nhạc

Trong nền âm nhạc Khmer, nhạc cụ trống có tiếng nói thanh âm quan trọng kết nối với thế giới tự nhiên, siêu nhiên và là nhạc cụ quan trọng nhất tạo ra tiếng nói cho âm nhạc Khmer. Trên sân khấu Dì kê, âm nhạc nhấn mạnh vào vai trò chủ lực của trống gọi trống Dì kê *Skor yike*, nếu không có trống *skor yike* thì không có sân khấu Dì kê, được xem là nhạc cụ quan trọng nhất làm nên linh hồn nghệ thuật sân khấu Dì kê; đi kèm với trống có thêm *tro uo* (đờn gáo) và *tro sor* (đờn cò), hoặc có *khurm*, *tà khê* bổ sung thêm tiết tấu du dương tạo thành một dàn nhạc dân gian truyền thống trên sân khấu Dì kê.

Trống Dì kê *skor yike* là trống có nguồn gốc Champa được đưa vào Campuchia từ rất sớm, ban đầu chỉ được dùng trong những trình diễn nghi lễ tế

thần và sau này trở thành một loại nhạc cụ quan trọng mang những thuộc tính nghệ thuật Khmer, trở thành một nhạc cụ chủ lực giữ nhịp, tạo tiết tấu trên sân khấu Dì kê. Đặc biệt, trống do ông thầy tuồng đánh còn giữ thêm vai trò dẫn truyện. Ông thầy tuồng vừa vỗ trống vừa hát dẫn truyện, khán giả xem sẽ biết diễn biến tuồng đến đâu và sắp tới cảnh diễn nào tiếp theo, kiểu phân cảnh giống như trong tiểu thuyết chương hồi. Chính bởi vai trò chủ lực vậy mà trường hợp nếu không có các nhạc cụ truyền thống khác đi kèm thì chỉ mình nhạc cụ trống vẫn có thể diễn được.

Trên sân khấu, thường số lượng trống trong dàn nhạc có từ 2 đến 13 trống khác nhau, trống lớn nhất được gọi *Skor thom*. Tuy nhiên tùy vào con người, điều kiện của đoàn hát và yêu cầu vở kịch mà sử dụng số lượng trống cho phù hợp. Do vậy, từ trước đến nay đoàn Dì kê ở Ô Lâm chỉ sử dụng 1 hoặc 2 trống Dì kê trên sân khấu biểu diễn.

Trống Dì kê thân trống được làm từ gốc cây thốt nốt, khoét rỗng và phủ da bò một mặt. Khi làm xong một chiếc trống mới thì người ta thường nhờ một ông thầy Kru cúng, làm phép vẽ bùa trên mặt trống và ông ta mời gọi nhiều linh hồn đến để chăm sóc ban phước chiếc trống. Họ thấp nhang để nhớ lại những linh hồn này trước khi họ bắt đầu mang trống ra sử dụng. Và thường trước buổi diễn, người ta thường phải cúng, làm phép trên mặt trống để mong buổi diễn được diễn ra may mắn. Đồng thời có vài kiêng kị riêng dành cho trống (không bước qua trống, không được tự tiện đánh vào trống...). Trống là một nhạc cụ thiêng là vậy, chính điều này đã tạo được màu sắc âm nhạc rất riêng trên sân khấu Dì kê. Theo lời dẫn truyện của ông thầy tuồng qua tiếng trống, khán giả biết được câu chuyện xảy ra tiếp sau là gì, diễn viên không thuộc thoại và thậm chí không biết trước kịch bản, nghe lời dẫn truyện của thầy tuồng sẽ nhớ và có thể tự ứng biến được lời thoại. Bởi vậy, trên sân khấu Dì kê trống còn được xem như trống kể chuyện, tự sự trên sân khấu.

Ngoài người dẫn truyện thì người hát đệm từ phía hậu đài cũng giữ một vai trò quan trọng trên sân khấu Dì kê, làm cảnh hướng diễn thêm sống động, hòa nhịp theo điệu múa của diễn viên ngoài sân khấu. Nhờ vậy, những vở diễn Dì kê được thể hiện sâu sắc đi vào ký ức người Khmer, chỉ cần nghe văng xa xa tiếng trống, người dân trong phum sóc xa gần biết sẽ có đoàn Dì kê sắp biểu diễn mà ăn con chiều sớm hơn để ra chùa coi.

Để chơi và đánh được nhuần nhuyễn trống Dì kê thì người đánh trống đòi hỏi có một quá trình tập luyện, có năng khiếu cảm nhạc tốt và đặc biệt biết các giai điệu bài hát Dì kê: khi xung đột, khi bày tỏ tình yêu... thì phải biết đánh những giai

điệu nào cho phù hợp. Giữ vai trò giữ nhịp, tạo tiết tấu trong dàn nhạc nên trống phải luôn đi trước.

Có thể nói, trong bối cảnh phum sóc, âm nhạc là một phần không thể thiếu trong đời sống người Khmer; không chỉ dành phụng sự các vị thần trong các nghi lễ cúng tế, trong các dịp lễ hội của cộng đồng mà còn làm nên âm nhạc trên các sân khấu ca kịch trong đó có sân khấu Dì kê. Âm nhạc Dì kê chính là sự hòa quyện của những sắc âm trầm của trống và réo rắt của đờn *tror ou*, *tror sor* tạo nên một sân khấu thiên về sân khấu tự sự, kể chuyện, có sức hút khán giả.

(2). Nghệ thuật hát

Nói đến sân khấu Dì kê là nói đến nghệ thuật sân khấu ca kịch và phải nói đến yếu tố “Hát” - là một ngôn ngữ nghệ thuật quan trọng chuyển tải cốt truyện và bộc lộ cảm xúc nhân vật, nên người ta nói “sân khấu ca kịch cũng là sân khấu ca nhạc” là vậy. Đặc biệt hát trong nghệ thuật Dì kê là hát có dẫn giải truyện trích tuồng (còn gọi *At tha thi bay*) - dẫn đoạn thơ vào phân cảnh đoạn tuồng giúp người xem hiểu cốt truyện ở phân cảnh đó là gì. Ngôn ngữ nghệ thuật hát của Dì kê được sáng tạo dựa trên chất liệu kho tàng văn học dân gian Khmer cổ, nên rất phong phú và gần gũi với cuộc sống dân dã. Hát bằng giai điệu và dựa trên những điệu Lăm truyền thống Khmer được xem là yếu tố ngôn ngữ cảm xúc độc đáo trong nghệ thuật sân khấu Dì kê. Theo như các nhà nghiên cứu đánh giá thì các điệu Lăm được xem như lòng bản (tương tự như các câu vọng cổ của người Việt). Những điệu Lăm thường được sáng tác bằng các thể thơ độc đáo của người Khmer, trong đó có thơ tứ tuyệt (thể thơ 4 chữ), mỗi đoạn có 4 câu, mỗi câu có 4 từ được xem là một thể thơ truyền thống cổ xưa và “già” nhất của người Khmer thường được hát trong các bài hát phục vụ nghi lễ, trong các tập tục đám cưới hay đám phước (gọi hát phong tục và lễ nghi) mà vẫn còn thấy trong nghi lễ đám cưới; ngoài thể thơ tứ tuyệt thì có thể thơ 8 chữ, được viết thành 16 khổ thơ. Dựa trên giai điệu dân gian và theo luật gieo vần của thơ ca, đòi hỏi người viết thơ phải có vốn từ Khmer và tiếng Phạn, hiểu được quy luật hiệp vần mới có thể sáng tác được thể thơ 8 chữ 16 khổ mà khi đọc lên nghe mượt mà là được. Cụ thể luật thơ²¹:

- . Khổ thơ thứ 1: âm tiết số 4 cùng vần với số 6
- . Khổ thơ thứ 2: âm tiết số 4 cùng vần với số 8 khổ thứ 1
- . Khổ thứ 3: âm tiết số 4 và 8 cùng vần số 8 của khổ thứ 2
- . Khổ thứ 4: âm tiết số 4 cùng vần với số 8 của khổ thứ 3

²¹ Chau Sóc Kha, *Tiếng hát trên sân khấu Dì kê*, bài đã dẫn.

Thể thơ 8 chữ thường được sử dụng hơn các thể thơ khác và được cho là thể thơ chuyển tải dài hơi các cung bậc cảm xúc trong những bài hát thể hiện tuồng tích của Dì kê, trở thành phương tiện nghệ thuật lý giải tình tiết cốt truyện. Chính vì vậy mà đa phần người xem Dì kê đều cho rằng, nghệ thuật Dì kê chủ yếu là biểu tả cảm xúc và trình diễn. Trong đó hát và điệu bộ định hình phong cách riêng cho diễn viên làm thu hút người xem; còn những màn đối đáp bằng thơ và những hội thoại ngắn ứng khẩu linh hoạt thì thông tục, rất đời cho khán giả thấy sự gần gũi của đời sống ngoài xã hội.

“Lăm” là một hình thức ca hát dân gian truyền thống, rất quen thuộc và gần gũi với người dân Khmer vì nó phản ánh thực tế của cuộc sống. Nội dung những bài Hát Lăm đa phần là những lời thơ trữ tình chuyển tải rất nhiều cung bậc cảm xúc, tâm trạng con người và người ta có thể hát bất kể lúc nào, lúc sinh hoạt hay khi lao động trên đồng ruộng, khi lên núi hái củi. Theo chia sẻ của tác giả Châu Sóc Kha thì “*buổi chiều lên núi hái củi, vẫn thường nghe người dân hát đối đáp những điệu lăm vang vọng trên núi, ai nghe xong chẳng muốn về*” bởi hát Lăm giai điệu hay, dễ cuốn hút và đậm chất trữ tình.

Nói về các điệu Lăm thì cũng có nhiều ý kiến khác nhau: người cho có 40 điệu Lăm²²; theo như nghệ nhân Dì kê cho biết thì có rất nhiều điệu Lăm mà chưa khám phá hết và áng chừng hơn 80 điệu²³; theo học giả Catherine Diamond thì Dì kê có 85 giai điệu điệu bài hát mô tả những trạng thái cung bậc cảm xúc khác nhau của nhân vật. Điều này cho thấy sự phong phú của làn điệu Lăm trong âm nhạc dân gian Khmer.

Là một diễn viên Dì kê thì yêu cầu người diễn viên đầu tiên phải học hát, biết hát sau mới học múa vì chỉ khi nghe và biết cảm nhạc qua bài hát thì diễn viên sẽ có những cử chỉ điệu bộ múa khớp với với cảm xúc lời bài hát. Về cơ bản các bài hát chuyển tải cốt truyện trên sân khấu Dì kê chủ yếu dựa trên 4 giai điệu chính tương ứng với từng tâm trạng, cảm xúc khác nhau của nhân vật. Bài hát sẽ được hát theo vai diễn, gồm các giai điệu chính sau:

- . *Som pông*: làn điệu hát vui vẻ, dùng để diễn tả cảnh vật thiên nhiên, tươi vui
- . *Lôm*: làn điệu để diễn tả tỏ tình
- . *Phat Cheay*: làn điệu miêu tả tính cách lúc giận giữ
- . *Ăng ko reach*: miêu tả tâm trạng buồn thương, đau khổ, lúc biệt ly

²² Lâm Quang Hiến, *Bảo tồn nghệ thuật sân khấu Dì kê tại xã Ô Lăm huyện Tri Tôn*, bài đã dẫn.

²³ Phỏng vấn nghệ nhân Kunh Thia đoàn Dì kê Ô Lăm (ngày 24-12-2024).

Đây được xem là những làn điệu hát chính, có tính chất như bài nền/ bài hát gốc mà dựa trên giai điệu đó người ta có thể sáng tác, viết lời mới cho bài hát. Thực tế là nhiều nghệ nhân dân gian cũng đã chuyển thể thành tiểu bản mới gọi là Bài ca Bassac (bài ca sản sinh ra ở vùng sông Hậu) trên sân khấu Dì kê. Như thế diễn viên chỉ cần nói tên giai điệu của bài hát là gì thì nhạc công sẽ đánh đúng với giai điệu dân gian ấy.

(3). Nghệ thuật múa

Sau “Hát” thì “Múa” trên sân khấu Dì kê được xem là một ngôn ngữ nghệ thuật “không lời” mang tính giao tiếp quan trọng, đó là dùng ngôn ngữ cơ thể để bộc lộ biểu cảm theo giai điệu bài hát, bộc lộ tính cách nhân vật. Múa Dì kê chịu ảnh hưởng của múa Ro Băm - múa cổ điển của người Khmer nhưng tính chính xác ít hơn, chịu ảnh hưởng sử dụng các luật động tác cơ bản của Ro Băm không đòi hỏi kỹ thuật tạo hình phải chuẩn như Ro Băm. Về cơ bản múa trên sân khấu Dì kê có những động tác đơn giản với các chuyển động mềm mại của bàn tay, ngón tay thường uốn cong trở lại từ cổ tay và sự uyển chuyển nhẹ nhàng của cơ thể khi múa theo vai diễn và biểu cảm tình tiết cốt truyện nên được gọi *Lăm Rom Rương* (hát múa truyện). Yêu cầu động tác tay của diễn viên khi múa phải có độ cong, dẻo và chuyển động nhẹ nhàng theo nhạc; kết hợp với hình thể cong mềm, uyển chuyển, lưng và bàn chân cong; trong từng biểu hiện nét mặt phải nhìn theo tay. Về cơ bản múa trên sân khấu Dì kê phải toát lên được sự dịu dàng, động tác múa mềm mại với tiết điệu chậm rãi, nhẹ nhàng. Ngay cả những cảnh đánh nhau, cách thể hiện múa của những nhân vật mạnh mẽ như chằn (yak), anh hùng, thợ săn, tên cướp... khi ra điệu bộ, động tác cũng được cách điệu để giảm bớt tính bạo lực.

(4). Diễn xuất - Tuyến nhân vật

Trong tuồng Dì kê, thường các diễn viên được phân vai theo hai tuyến nhân vật chính diện và phản diện, tương ứng với đại diện tính cách nhân vật thiện - ác khá rõ. Nhân vật chằn (yak) được cho là đại diện cái ác, phi nghĩa chuyên làm hại người hiền; còn nhân vật là Thần/ Tiên có yếu tố phép thuật luôn tìm cách che chở giúp đỡ người khổ cực và những nhân vật thiện thường đại diện cho tiếng nói nhân nghĩa, tuy họ sống nghèo khó nhưng luôn giữ sự trong sáng, tấm lòng thiện lương, yêu cuộc sống lao động. Chính vì vậy mà kết thúc vở Dì kê luôn là cái kết có hậu theo motif “chính nghĩa thắng tà” hay “ở hiền gặp lành”. Do vậy, làm rõ hơn tính cách nhân vật, ngoài sự hỗ trợ của hóa trang, trang phục tạo điểm nhấn thêm cho nhân vật thì người diễn viên phải làm sao diễn cho ra được tính cách nhân vật mà

mình đảm nhận thông qua ngôn ngữ hát, múa, đọc thơ, đối thoại chuyển tải câu chuyện. Điều này còn phụ thuộc vào tài năng, khả năng diễn xuất của người diễn viên.

Người diễn viên trên sân khấu Dì kê không phải là những diễn viên chuyên nghiệp mà họ là những nghệ nhân không chuyên, xuất thân từ những người nông dân yêu nghệ thuật, mê ca hát thường biểu diễn trong thời gian mùa nông nhàn. Để chuẩn bị cho vở diễn thì họ thường tập luyện vào buổi tối sau khi trở về từ đồng ruộng. Qua mỗi vở diễn, thoát khỏi cuộc sống đời thường họ hóa thân vào những nhân vật anh hùng, tiên nữ, Thần linh hay nhân vật ác, làm điều trái nhân nghĩa... để chuyển đi thông điệp về ý nghĩa Phật pháp, lối sống lương thiện hay gửi gắm những ước vọng về cuộc đời hạnh phúc, bình an.

Thông thường trong vở diễn Dì kê, câu chuyện thường được dẫn dắt qua 3 vai trò: người kể chuyện, chú hề và vũ công và tất cả đều sử dụng giọng hát của mình để kể câu chuyện. Người dẫn chuyện còn gọi là người rao tuồng/ dẫn tuồng (*thleng ruong*). Còn người hát đệm (*tòh tuól*) còn gọi người hát đế ở hậu đài sẽ hát minh họa theo vai diễn bằng những bài thơ quy định; vũ công cũng là diễn viên sẽ chuyển nội dung câu chuyện bằng hát và múa; vai hề chọc cười khán giả cũng là một nhân vật dẫn dắt câu chuyện bằng những câu nói dí dỏm, hài hước tạo nên những tràng cười khoái chí, thư giãn cho người xem.

- Phục trang:

Trang phục diễn viên trên sân khấu Dì kê không cầu kỳ như trang phục của diễn viên Rô băm, chủ yếu là họ mặc trang phục truyền thống của người Khmer nhưng phải bắt mắt, đẹp và màu sắc. Bởi trên sân khấu màu sắc trang phục ảnh hưởng mạnh đến tâm lý cảm xúc cho người xem. Do vậy, để bắt mắt thì trang phục thường được nghệ nhân đính kim sa cho lấp lánh; mũ mào được trang trí bằng những hoa văn truyền thống, đồ trang sức (vòng tay, chân, vòng cổ...) phải đẹp. Trên sân khấu, phục trang là một yếu tố quan trọng làm sắc sảo lên tính cách nhân vật, thu hút ánh nhìn khán giả và tôn hình thức trên sân khấu. So với nam giới, trang phục diễn viên nữ thường cầu kỳ, đẹp hơn, lấp lánh, để mỗi bước chân di chuyển của các thiếu nữ giống như tiên trên trời. Ngày nay, khi đời sống, thị hiếu thưởng thức nghệ thuật của người dân tăng lên, đòi hỏi đoàn diễn phải có sự đầu tư hơn về trang phục chẳng hạn như trang phục may phải đẹp, diễn viên ngoài ngoại hình đẹp thì phải có giọng nói, giọng hát “đẹp” mới thu hút khán giả. Tuy nhiên, do

điều kiện đoàn hát, diễn viên là những người không chuyên nên phục trang chưa có sự đầu tư như mong muốn.

- Sân khấu:

Dì kê là loại hình diễn xướng được khai sinh từ môi trường nông thôn nên diễn viên là những nghệ nhân không chuyên, vẫn lao động trên đồng ruộng, làm đủ các thứ nghề để kiếm sống mưu sinh. Cho đến sau vụ gặt, lúc mùa nông nhàn thì mọi người cùng nhau tụ tập lại tập luyện vở diễn để phục vụ cho bà con và thỏa niềm đam mê ca hát của mình. Do vậy sân khấu Dì kê là một dạng sân khấu không gian mở, linh hoạt theo hoàn cảnh: có thể dựng sân khấu trong sân chùa, trước nhà Sala hay dựng sân khấu ngay trên nền ruộng khô ráo mà bà con vừa gặt xong để diễn phục vụ bà con. Hay các vở diễn Dì kê thường diễn tại chùa vào dịp lễ hội của cộng đồng. Nhà chùa có thể mời đoàn Dì kê về diễn hoặc đoàn Dì kê diễn làm phước cho chùa vào các dịp lễ hội như Sel Dolta, lễ Óc Oom Bóc, tết Chol Chnam Thmey...

Mỹ thuật trang trí sân khấu Dì kê là lối trang trí theo bối cảnh sân khấu, đạo cụ mang tính ước lệ và phần lớn mang tính biểu tượng. Chẳng hạn: chọn bối cảnh sân khấu ngay dưới cửa ra vào Sala của chùa, chỉ cần đặt phong màn là hoa văn hình cột trụ hay vẽ trên nền phong vải, ngay giữa đặt chiếc ghế vậy là tượng trưng cho cung điện nhà vua; hay tùy vào cảnh huống mà sau một cánh cửa có thể hiểu là ngôi nhà, khu rừng hay ngọn núi thông qua bố trí đạo cụ và trang trí bằng phong màn vải vẽ tượng trưng, cách điệu. Có thể nói trang trí sân khấu Dì kê mang tính ước lệ tạo sự tưởng tượng, xóa nhòa ranh giới giữa diễn viên và khán giả, khán giả cảm thấy gần gũi và có thể giao lưu được với diễn viên trên sân khấu.

- Nghi thức cúng trước đêm diễn:

Trước đêm diễn, ông thầy tuồng cũng là trưởng đoàn Dì kê thường làm một lễ cúng xin tổ tiên, ông bà phù hộ cho đêm diễn vào buổi chiều hôm đó. Ông Kru cũng là ông cậu trong gia đình, là người biết cúng kiếng, biết làm các nghi lễ trừ tà sẽ đảm nhận vai trò này.

Lễ vật dâng cúng lên bàn thờ chỉ cần nải chuối, ít trái cây. Ông cậu thắp nhang cúng khấn trước bàn thờ, đặt tay lên tượng Phật xin ban phước, sau đó, ông cầm nén nhang, dùng tay vẽ bùa lên mặt trống *skor yike* để trừ tà, và thông qua nghi lễ này truyền sức mạnh cho trống. Bởi các diễn viên, nhạc công đều tin rằng trống Dì kê là một nhạc cụ thiêng, giữ vai trò nhạc cụ chủ lực trên sân khấu Dì kê nên không thể không thực hiện nghi thức cúng trống trước giờ diễn.

Sau lễ cúng trông, trước bàn thờ ông cậu lại thắp nhang cúng, đặt tay lên tượng Phật nhỏ trên bàn thờ (đây là tượng Thích Ca Mô Ni trong hình hài nữ, một phong cách tượng phổ biến của người Khmer) xin ban phước lành, bình an cho đêm diễn, rồi ông Kru vẽ bùa vào hộp sáp thom - loại sáp dành để vuốt tóc cho thom và giữ nếp tóc cho diễn viên. Sau khi ông cậu cúng xong, hộp sáp này sẽ được diễn viên bôi lên tóc. Mọi người tin rằng khi bôi sáp này sẽ không có ma quỷ nào quấy rối đến vai diễn và người diễn viên sẽ không quên vai diễn, cảm giác diễn sẽ hưng phấn và mọi việc diễn ra tốt đẹp cho đến hết đêm diễn.

- Mở màn một vở diễn/ trích đoạn:

Trước đây, một vở diễn Dì kê có khi kéo dài đến khuya nên để vở diễn không quá dài, thu hút sự chú ý, tập trung của khán giả, giảm sự mệt mỏi khi phải xem một vở diễn dài thì thường đoàn Dì kê chia nhỏ thành các trích đoạn diễn.

Sau ba hồi trông, buổi diễn thường bắt đầu bằng một màn diễn mang tính trình diễn nghi lễ. Đó là màn mở đầu bằng điệu múa *homrong/ robam yike homrong*. Màn múa này được trình diễn để tôn kính, tưởng nhớ đến tổ tiên và tâm linh cho buổi diễn. Trong lời hát tán tụng này được gửi đến ông thầy dạy (*sampheah kru*) múa cổ điển, những bậc sư phụ về nghệ thuật qua điệp khúc từ lặp lại “noi, noi, noi”. Nghi thức múa mời gọi các linh hồn của các bậc thầy, giáo viên múa truyền sức mạnh cho vũ công, diễn viên và ban phước cho sân khấu trong suốt đêm diễn. Điệu *homrong* có thể được trình diễn theo các cách khác nhau, gồm cả ngồi và đứng. Điệu múa *homrong* mượn những điệu bộ/cử chỉ/động tác từ múa cổ điển, bao gồm vị trí động tác tay hết sức mềm dẻo và ngón tay uốn cong. Có thể nói, ngoài điệu *homrong* tiếp nhận từ múa cổ điển thì múa ở phần nội dung chính vở diễn chỉ là biểu diễn, múa trong hát và hát trong múa, tạo cho vai diễn thêm mềm mại, dịu dàng và uyển chuyển chứ không cần những động tác múa phải kỹ thuật như Rô băm.

Mở màn luôn phải có múa *homrong* là vì những diễn viên Khmer tin rằng ngoài mời những linh hồn các bậc thầy nghệ thuật ban phước cho đêm diễn thì cũng cầu xin những linh hồn ma, quỷ ở xung quanh sân khấu không gây hại ảnh hưởng đến buổi diễn. Màn diễn bằng điệu múa này như một nghi lễ trình diễn mời các đấng siêu nhiên, những linh hồn khuất mặt đến và ban phước, cho diễn viên có thể nhập vai được tốt, không quên bài và buổi diễn sẽ diễn ra suôn sẻ tốt đẹp.

Trong bài múa tổ *homrong* quy tụ các bài múa khác nhau và kế thừa từ điệu múa cổ điển Rô Băm với các động tác tay chân mềm mại, điệu bộ bước khoan thai,

cử chỉ và nét mặt thanh thoát đậm chất cung đình song kỹ thuật không đòi hỏi cao. Múa trong màn cúng tổ có phần khác hơn nghiêng về múa trình diễn nghi lễ còn trong phần nội dung vở diễn thì hát là chính và múa được kết hợp theo vai diễn và múa chủ yếu qua điệu bộ uyển chuyển của bàn tay, nét mặt để diễn tả tình tiết câu chuyện, chuyển tải tính cách nhân vật. Các bài được hát trong múa cúng Tổ gồm: *giao lèh* (bài hát mời); *Chaho ronah* (mời tổ); *Sah roka* (bài múa xá lạy); *Te kobông* (mời các thiếu nữ lên múa); *Sa mơ she* (múa noi noi); *Noi rây* (múa kết bài)

Bắt đầu diễn trích đoạn “chuyện tình Tum Teav”

Sau múa cúng tổ, trích đoạn được bắt đầu qua tiếng trống rao tuồng/ dẫn chuyện của người đánh trống hoặc từ diễn viên rao tuồng đứng sau cánh gà, sẽ giới thiệu câu chuyện với những tình tiết câu chuyện sắp xảy ra cho khán giả biết. Người rao tuồng vừa dẫn chuyện xong thì có người hát đệm/ hát đế bên trong cánh gà sẽ hát bài hát và thỉnh thoảng hát đế để minh họa thêm cho vai diễn: vai vua sẽ hát bài vua, vai công chúa sẽ hát bài công chúa... họ hát theo vai diễn, và cuối bài hát thường hay có kèm theo “ơ...ơ...ớ...ơ” gọi là đế. Cứ vậy theo tiết tấu bài hát, nhịp trống hòa theo từng làn điệu hát.

Bài hát là những giai điệu Lâm truyền thống được chia làm 3 loại chính: giai điệu thể hiện cảm xúc hoặc nỗi buồn; giai điệu lạc quan và vui vẻ và giai điệu cho một cuộc đối thoại. Cụ thể các giai điệu này sẽ truyền tải những trạng thái cảm xúc khác nhau của nhân vật: lúc vui tươi thì hát làn điệu *Sâm phon*; lúc tâm trạng buồn thương, sầu đau thì hát theo làn điệu *Angkoreach*; lúc hát cho giọng nữ buồn thì hát theo làn *Mahori*; hay lúc hát giao duyên trai gái yêu nhau thì hát điệu *che chông*; lúc giận dữ diễn của vai chằn, thợ săn thì hát điệu *Phach ché* và *Xen trea*...

Trong các cảnh diễn, hầu hết các bài hát thường được người hát đệm/ hát đế (khlang lăm) (1-2 người, hoặc một dàn đồng ca đệm tùy vào quy mô của đoàn diễn) sẽ hát một điệp khúc trước nhằm giới thiệu về cảnh diễn hay một phân đoạn của câu chuyện và cũng kết thúc bằng một điệp khúc được xem như kết luận của cảnh diễn đó. Còn người dẫn truyện là người sẽ mô tả, kể lại tình tiết cốt truyện, giữ vai trò quan trọng đối với sự thành công của diễn viên, vũ công khi dịch chuyển múa trên sân

Trên sân khấu nhạc cụ trống Di kê skor yike có chức năng giữ nhịp, tạo tiết tấu dẫn đầu các nhạc cụ truyền thống khác, theo đó đàn Trô sol (đờn cò) lấy giọng theo và đàn Trô ou (đờn gáo) đệm theo giọng của đờn cò và nếu có thì đàn Khum cũng có thể tham gia phối nhịp. Ở cuối mỗi phân đoạn thì tiếng trống sẽ còn là câu

chấm dứt một cảnh diễn. Tiếng trống kể chuyện - tạo nên nét đặc sắc trên sân khấu Dì kê. Do vậy xem một vở diễn theo lời kể dẫn truyện của trống qua người dẫn truyện, tình tiết câu chuyện lần lượt được kể, tái hiện qua các cảnh diễn. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhịp trống dẫn dắt, bài hát và động tác múa phải được thực hiện theo nhịp điệu thích hợp. Chính vì vậy ta thấy sân khấu Dì kê có phần nghiêng về sân khấu tự sự, kể chuyện.

Kết thúc trích đoạn chuyện tình Tum Teav là sự thông cảm và thấu tỏ của nhà vua khi biết được mối tình ngang trái của đôi trai gái Tum Teav, đã quyết định se duyên cho họ được bên nhau. Cái kết đã nhận được sự đồng tình của khán giả và đây cũng là một motif kết thúc có hậu quen thuộc vẫn thường thấy trong các vở diễn trên sân khấu Dì kê. Chuyện tình Tum Teav - một câu chuyện thơ đi vào ký ức của bao thế hệ người Khmer bởi vượt ra ngoài khuôn khổ của một tác phẩm văn học, Tum Teav trên sân khấu Dì kê trở thành một tác phẩm đi vào đời thường mang hơi thở, ước vọng và niềm tin vào tình yêu tốt đẹp. Vì thế Dì kê luôn nhận được sự yêu mến của người dân nơi vùng biên giới Tri Tôn.

Kết thúc trích đoạn, các diễn viên sẽ có một bài hát chào, chúc may mắn bình an đến khán giả. Sau đó cả đoàn chào và cảm ơn khán giả đã ủng hộ buổi diễn.

3.1.3. Vai trò của nghệ thuật sân khấu Dì kê trong đời sống tinh thần người Khmer ở xã Ô Lâm

Sân khấu Dì kê là loại hình diễn xướng nghệ thuật độc đáo còn sót lại của cộng đồng Khmer tại xã Ô Lâm. Trải qua thời gian, nghệ thuật này vẫn được người Khmer ở đây giữ gìn, vẫn gọi bằng cái tên truyền thống quen thuộc và dễ nhớ là Hát Lăm. Loại hình này đã trở thành phần đời sống văn hóa quan trọng của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật cho người dân và tạo ra được một sân chơi giải trí cho phần lớn đồng bào Khmer nơi đây sau những ngày lao động sản xuất, làm việc mệt mỏi, giúp họ giải tỏa những căng thẳng, nỗi lo toan trong cuộc sống. Sau thời gian lao động, đến với Dì kê họ tìm thấy được tiếng cười vui vẻ, thấy yêu đời và thêm yêu cuộc sống.

Nội dung các vở diễn thường dựa vào những tích truyện dân gian, những huyền thoại Phật giáo có ý nghĩa giáo dục; hay những nhân vật nổi tiếng với nội dung tôn vinh những giá trị văn hóa dân tộc, đề cao giá trị chân - thiện - mỹ và khuyên răn con người nên sống theo lời dạy của đức Phật, hướng con người làm những điều thiện, tránh điều ác; hướng tới tình yêu lao động vì chỉ có lao động, hăng say làm việc mới giúp con người tồn tại, sáng tạo và biết tạo dựng những giá

trị tốt đẹp, giúp con người hướng thiện, biết đối nhân xử thế, biết đoàn kết đứng lên đấu tranh cho lẽ phải, bảo vệ những điều tốt đẹp để hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Hàng năm, vào những dịp lễ hội quan trọng của cộng đồng thì Dì kê lại xuất hiện thường biểu diễn với mục đích làm phước phục vụ chùa và bà con xa gần trong xã đến xem. Dì kê đã trở thành một loại hình nghệ thuật gần gũi với đời sống của đồng bào và trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu trong mùa nông nhàn, hay trong các dịp lễ hội của cộng đồng. Với dân số 97% đa phần là người Khmer sống ở vùng giáp biên giới xa xôi, có rất ít những hoạt động văn hóa nghệ thuật, vui chơi giải trí thì Dì kê xuất hiện như một điểm sáng nghệ thuật có sức thu hút người dân, giúp mỗi người dân ý thức xây dựng về bản sắc văn hóa của mình; gắn kết cộng đồng Khmer và hướng đến tình yêu dành cho nghệ thuật truyền thống và giúp lưu giữ và phát huy văn hóa Khmer.

Dì kê là loại hình sân khấu dân gian gần gũi với người nông dân, được sinh dưỡng và tồn tại trong lòng cộng đồng nên loại hình này không xa lạ mà trở nên quen thuộc cả với những người Việt, người Hoa sống ở vùng Bảy Núi. Do vậy, mỗi dịp diễn Dì kê với những tích truyện, truyện tích dân gian chuyển tải những thông điệp cuộc sống xã hội luôn được mọi người đón nhận. Và dù không biết tiếng Khmer song họ vẫn hiểu được cốt truyện và bị hấp dẫn bởi những điệu múa truyền thống biểu diễn trên sân khấu. Nghệ thuật Dì kê đã gắn kết các tộc người trong sự thấu cảm và chia sẻ sự hiểu biết văn hóa, ý thức bản sắc tộc người tạo nên bản sắc địa phương.

Đối với người diễn viên Dì kê thì sân khấu Dì kê là cơ hội cho họ nói lên tiếng nói yêu chuộng nghệ thuật truyền thống, được thỏa nguyện niềm đam mê, có cơ hội được sáng tạo nghệ thuật và quan trọng là được mang lời ca, tiếng hát điệu múa truyền thống của dân tộc để phục vụ cho đồng bào mình; mong những điều tốt đẹp, xiển dương lối sống Phật pháp, ứng xử đúng mực của một người Phật tử để góp phần lan tỏa lối sống lành mạnh, chân thành, gắn bó tình đồng tộc trong tình thân ái và đoàn kết. Đồng thời, người nghệ nhân khi biểu diễn trên sân khấu và quá trình sáng tạo trình diễn của mình nhận được sự ủng hộ của khán giả, điều này thật quan trọng, trở thành động lực thúc đẩy thêm sự sáng tạo, cống hiến và thôi thúc họ tiếp tục thực hiện công việc của mình. Đó chính là chìa khóa để duy trì sự tiếp nối nghệ thuật.

3.2. Các yếu tố, nguy cơ tác động đến việc thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật trình diễn dân gian sân khấu Di kê của người Khmer

- Theo một số Sư cả, các vị Acha và một số trí thức người Khmer cho biết thì trước giải phóng ở Tri Tôn có đến những 6 - 7 đoàn Di kê đi diễn rải khắp các xã của huyện như: Lương Phi, An Túc, Núi Tô và Ô Lâm nhưng do cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và khó khăn kinh tế mà các đoàn tan rã dần, sau giải phóng chỉ còn 2 đoàn ở xã Ô Lâm. Đó là đội Di kê ở ấp Phước Bình có 28 người, do ông Chau Chuôl (còn gọi ông Tà Tuôl) làm chủ đoàn, hoạt động một thời gian chừng 8 - 9 năm thì tan rã; và đội Di kê ở ấp Phước Lợi (trước đây là ấp Phước Lộc) có 25 - 30 người, do vợ chồng nghệ nhân Chau Chaps và Neang Oks làm bầu đoàn, trở thành đoàn Di kê duy nhất còn lại ở xã Ô Lâm. Tuy nhiên, đến năm 2015 - 2016 vì nhiều lý do: đời sống diễn viên khó khăn, khiến nhiều diễn viên bỏ đi làm ăn xa, cộng thêm năm 2018 nghệ nhân Chau Chaps cũng là trưởng đoàn mất chỉ còn lại vợ là nghệ nhân Neang Oks và con gái là nghệ sĩ Kunh Thia, nên tình trạng đoàn không trụ được và gần đây đoàn hầu như không còn hoạt động.

- Hầu hết các nghệ sĩ, diễn viên trong đoàn đều là những diễn viên nghiệp dư, họ chỉ diễn vào thời điểm lễ hội của cộng đồng hay lúc nông nhàn sau thu hoạch đồng ruộng; hay tập luyện khi có đơn đặt hàng, lời mời biểu diễn cho các cuộc thi, hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ của huyện, tỉnh... thì lúc đó họ mới tranh thủ tập luyện tuồng. Do vậy số lượng tuồng tích biểu diễn ít, thời gian tập luyện không nhiều nên không có những vở tuồng xuất sắc, những vở tuồng được đầu tư một cách chỉnh chu cả về kinh phí và nghệ thuật.

- Theo đũa Di kê, nhưng nghề chính của diễn viên đoàn vẫn là lao động, làm ruộng, tham gia Di kê chỉ là cách để họ thỏa mãn niềm đam mê nghệ thuật dân tộc, chỉ là một thú vui giải trí, chứ chưa xem đó là một nghề. Do vậy, đa phần diễn viên đoàn gặp rất nhiều khó khăn, họ phải bươn chải mưu sinh đủ thứ nghề (người buôn lợn, người đi làm thuê mướn và ngay bản thân chủ đoàn là nghệ nhân Chau Chaps lúc còn sống phải chạy xe ôm kiếm sống...) để kiếm sống nuôi bản thân và gia đình. Đặc biệt những năm gần đây, khi làn sóng nhiều thanh niên, gia đình lên các thành phố lớn như Bình Dương, Sài Gòn để làm công nhân trong các khu công nghiệp, hay thậm chí qua nước bạn Campuchia buôn bán, làm mướn kiếm tiền. Nhiều thành viên đoàn Di kê cũng bỏ quê đi làm ăn xa mà đoàn thì không có gì đảm bảo để giữ chân được diễn viên nên đoàn tan rã là tất yếu xảy ra.

- Ngoài những trang phục tích cóp mua được thì đa phần đoàn phải tự may, tự làm từng chiếc mào, kết từng hạt kim sa; nhạc cụ thì tự trang bị, khi tập luyện thì mang theo; nhà làm nơi tập luyện và không có tiền để bồi dưỡng cho mọi người... và nếu có nơi nào thuê biểu diễn thì tiền bồi dưỡng cũng quá ít ỏi. Do vậy với hoạt động tự lực cánh sinh như hiện nay thì đoàn khó có thể quy tụ được đầy đủ anh em luyện tập hay giữ chân họ gắn bó với đoàn. Rất nhiều lý do khiến họ phải dừng giữa chừng, vì sinh con, đi làm ăn xa, hay lập gia đình... nên nếu có biểu diễn lại phải tìm người mới thế chỗ, gặp không ít khó khăn.

- Thành viên đoàn đa phần ít học, không qua trường lớp đào tạo nào, không có người hướng dẫn, biên đạo, không có người soạn kịch bản riêng... Còn nguồn kinh phí thì cũng không, đoàn phải tự lực cánh sinh, chỉ nhận được khoản bồi dưỡng ít ỏi từ những lời mời diễn ở một số chùa, hay thỉnh thoảng trong các hội diễn văn nghệ quần chúng mà địa phương đầu tư, hỗ trợ...

- Giới trẻ ngày nay không mặn mà lắm với văn hóa truyền thống Khmer khi mà họ có cơ hội xem, nghe nhiều hơn văn hóa pop, rock, các nghệ thuật khác từ các phương tiện truyền thông đại chúng, hay mạng xã hội facebook, youtube... Lo lắng cho những người trẻ tuổi mất đi bản sắc Khmer và không nhiều thanh niên có hứng thú với nghệ thuật này cũng là một vấn đề cần quan tâm. Với lại học diễn Dì kê không dễ, nó đòi hỏi người diễn viên phải vừa biết hát, biết múa, biết cảm thụ âm nhạc và phải học diễn xuất. Đội ngũ sáng tác cho sân khấu Dì kê đếm trên đầu ngón tay, bởi Dì kê là một nghệ thuật tổng hợp nên người soạn tuồng phải có kiến thức tổng hợp, có sự am hiểu sâu về loại hình nghệ thuật này.

- Nội dung vở diễn chưa được đầu tư, chương trình biểu diễn còn nghèo nàn, hình thức trang phục không bắt mắt, trang trí sân khấu đơn điệu... nên chưa có tính sáng tạo cao, đột phá nghệ thuật cho vở diễn. Khai thác đề tài vẫn dựa trên các tích truyền thống, thiếu tính sáng tạo và chưa có những vở diễn được đầu tư với các đề tài hiện đại, gắn với câu chuyện cuộc sống xã hội hôm nay nên khó thu hút khán giả. Tuy nhiên, với tình hình thực tế của đoàn thì chọn các đề tài đương đại, mang tính thời sự thì khó, do đoàn chưa đủ khả năng, trình độ sáng tác, dàn dựng thì khó thực hiện được bởi khả năng, trình độ hạn chế.

- Việc truyền dạy, đào tạo thì Dì kê xưa nay chủ yếu qua truyền nghề, truyền khẩu, học thông qua kinh nghiệm chứ mọi người không kinh qua một trường lớp đào tạo bài bản nào. Hiện lớp người có thể truyền nghề còn rất ít, đếm trên đầu ngón tay. Chất lượng biểu diễn, sáng tác, dàn dựng, biên đạo, diễn xuất... đều

nghệ dư và chỉ dừng lại là một hoạt động văn hóa quần chúng. Do vậy, sự phát triển của đoàn hát không theo kịp nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nhu cầu thưởng thức nghệ thuật, trình độ dân trí ngày một cao hơn và thị hiếu nghệ thuật cũng ngày một nâng hơn của lớp công chúng mới.

- Nghệ thuật sân khấu Dì kê hiện chưa được nghiên cứu một cách bài bản và có hệ thống, chỉ tồn tại một vài bài viết của các tác giả địa phương và chưa được đưa vào chương trình giảng dạy, đào tạo tại các trường nghệ thuật Khmer. Đa phần người ta chỉ biết đến hai loại hình sân khấu Khmer truyền thống là Rô-băm và Dù kê, còn Dì kê nhiều người không biết đến sự tồn tại của nó, nếu có nghe nói đến thì cũng rất mơ hồ, không biết rõ loại hình nghệ thuật này. Đồng thời lâu nay đoàn tự tồn tại bằng kinh nghiệm tập thể: tự phác thảo cốt truyện, kịch bản chỉ mang tính chất minh họa chưa được chú ý một cách bài bản; tự dàn dựng kịch bản; tự biên đạo múa...

3.3. Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động nghệ thuật trình diễn dân gian sân khấu Dì kê của người Khmer ở xã Ô Lâm, tỉnh An Giang

Dựa trên kết quả khảo sát, điều tra, nhằm nắm bắt đầy đủ thực trạng hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê người Khmer ở Bảy Núi, An Giang hiện nay và nhu cầu cộng đồng trong hưởng thụ giá trị nghệ thuật sân khấu này. Cụ thể, gồm:

3.3.1. Thực trạng hoạt động nghệ thuật sân khấu Dì kê ở vùng Bảy Núi

Theo một số Sư cả, các vị Acha và một số trí thức người Khmer cho biết thì trước giải phóng ở Tri Tôn có đến những 6 -7 đoàn Dì kê đi diễn rải khắp các xã của huyện như: Lương Phi, An Túc, Núi Tô và Ô Lâm nhưng do cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và khó khăn kinh tế mà các đoàn tan rã dần, sau giải phóng chỉ còn 2 đoàn ở xã Ô Lâm. Đó là đội Dì kê ở ấp Phước Bình có 28 người, do ông Chau Chuôl (còn gọi ông Tà Tuôl) làm chủ đoàn, hoạt động một thời gian chừng 8 - 9 năm thì tan rã; và đội Dì kê ở ấp Phước Lợi (trước đây là ấp Phước Lộc) có 25 - 30 người, do vợ chồng nghệ nhân Chau Chaps và Neang Oks làm bầu đoàn, trở thành đoàn Dì kê duy nhất còn lại ở xã Ô Lâm. Tuy nhiên, đến năm 2015 - 2016 vì nhiều lý do: đời sống diễn viên khó khăn, khiến nhiều diễn viên bỏ đi làm ăn xa, cộng thêm năm 2018 nghệ nhân Chau Chaps cũng là trưởng đoàn mất chỉ còn lại vợ là nghệ nhân Neang Oks và con gái là nghệ nhân Kunh Thia, nên tình trạng đoàn không trụ được và gần đây đoàn hầu như không còn hoạt động.

3.3.2. Thực trạng gánh hát (nghệ nhân, diễn viên...), thực hành hoạt động (kịch bản, vở diễn, môi trường biểu diễn...)

Hầu hết các nghệ nhân, diễn viên trong đoàn đều là những diễn viên nghiệp dư, họ chỉ diễn vào thời điểm lễ hội của cộng đồng hay lúc nông nhàn sau thu hoạch đồng ruộng; hay tập luyện khi có đơn đặt hàng, lời mời biểu diễn cho các cuộc thi, hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ của huyện, tỉnh... thì lúc đó họ mới tranh thủ tập luyện tuồng. Do vậy số lượng tuồng tích biểu diễn ít, thời gian tập luyện không nhiều nên không có những vở tuồng suất sắc, những vở tuồng được đầu tư một cách chính chu cả về kinh phí và nghệ thuật.

Theo đuổi Dì kê, nhưng nghề chính của diễn viên đoàn vẫn là lao động, làm ruộng, tham gia Dì kê chỉ là cách để họ thỏa mãn niềm đam mê nghệ thuật dân tộc, chỉ là một thú vui giải trí, chứ chưa xem đó là một nghề. Do vậy, đa phần diễn viên đoàn gặp rất nhiều khó khăn, họ phải bươn chải mưu sinh đủ thứ nghề (người buôn lợn, người đi làm thuê mướn và ngay bản thân chủ đoàn là nghệ nhân Châu Chaps lúc còn sống phải chạy xe ôm kiếm sống...) để kiếm sống nuôi bản thân và gia đình. Đặc biệt những năm gần đây, khi làn sóng nhiều thanh niên, gia đình lên các thành phố lớn như Bình Dương, Sài Gòn để làm công nhân trong các khu công nghiệp, hay thậm chí qua nước bạn Campuchia buôn bán, làm mướn kiếm tiền. Nhiều thành viên đoàn Dì kê cũng bỏ quê đi làm ăn xa mà đoàn thì không có gì đảm bảo để giữ chân được diễn viên nên đoàn tan rã là tất yếu xảy ra.

Ngoài những trang phục tích cóp mua được thì đa phần đoàn phải tự may, tự làm từng chiếc mào, kết từng hạt kim sa; nhạc cụ thì tự trang bị, khi tập luyện thì mang theo; nhà làm nơi tập luyện và không có tiền để bồi dưỡng cho mọi người... và nếu có nơi nào thuê biểu diễn thì tiền bồi dưỡng cũng quá ít ỏi. Do vậy với hoạt động tự lực cánh sinh như hiện nay thì đoàn khó có thể quy tụ được đầy đủ anh em luyện tập hay giữ chân họ gắn bó với đoàn. Rất nhiều lý do khiến họ phải dừng giữa chừng, vì sinh con, đi làm ăn xa, hay lập gia đình... nên nếu có biểu diễn lại phải tìm người mới thế chỗ, gặp không ít khó khăn.

Thành viên đoàn đa phần ít học, không qua trường lớp đào tạo nào, không có người hướng dẫn, biên đạo, không có người soạn kịch bản riêng... Còn nguồn kinh phí thì cũng không, đoàn phải tự lực cánh sinh, chỉ nhận được khoản bồi dưỡng ít ỏi từ những lời mời diễn ở một số chùa, hay trong các hội diễn văn hóa quần chúng mà địa phương đầu tư, hỗ trợ...

Giới trẻ ngày nay không mặn mà lắm với văn hóa truyền thống Khmer khi mà họ có cơ hội xem, nghe nhiều hơn văn hóa pop, rock, các nghệ thuật khác từ các phương tiện truyền thông đại chúng, hay mạng xã hội facebook, you tube... Lo lắng cho những người trẻ tuổi mất đi bản sắc Khmer và không nhiều thanh niên có hứng thú với nghệ thuật này cũng là một vấn đề cần quan tâm. Với lại học diễn Dì kê không dễ, nó đòi hỏi người diễn viên phải vừa biết hát, biết múa, biết cảm thụ âm nhạc và phải học diễn xuất. Đội ngũ sáng tác cho sân khấu Dì kê đếm trên đầu ngón tay, bởi Dì kê là một nghệ thuật tổng hợp nên người soạn tuồng phải có kiến thức tổng hợp, có sự am hiểu sâu về loại hình nghệ thuật này.

3.3.3. Thực trạng biểu diễn (các vở diễn, số điệu Lăm, các điệu múa, nhạc cụ...)

Nội dung vở diễn chưa được đầu tư, chương trình biểu diễn còn nghèo nàn, hình thức trang phục không bắt mắt, trang trí sân khấu đơn điệu... nên chưa có tính sáng tạo cao, đột phá nghệ thuật cho vở diễn. Khai thác đề tài vẫn dựa trên các tích truyện thống, thiếu tính sáng tạo và chưa có những vở diễn được đầu tư với các đề tài hiện đại, gắn với câu chuyện cuộc sống xã hội hôm nay nên khó thu hút khán giả. Tuy nhiên, với tình hình thực tế của đoàn thì chọn các đề tài đương đại, mang tính thời sự thì khó, do đoàn chưa đủ khả năng, trình độ sáng tác, dàn dựng thì khó thực hiện được bởi khả năng, trình độ hạn chế.

Việc truyền dạy, đào tạo Di kê xưa nay chủ yếu qua truyền nghề, truyền khẩu, học thông qua kinh nghiệm chứ mọi người không kinh qua một trường lớp đào tạo bài bản nào. Hiện lớp người có thể truyền nghề còn rất ít, đếm trên đầu ngón tay. Chất lượng biểu diễn, sáng tác, dàn dựng, biên đạo, diễn xuất... đều nghiệp dư và chỉ dừng lại là một hoạt động văn hóa quần chúng. Do vậy, sự phát triển của đoàn hát không theo kịp nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nhu cầu thưởng thức nghệ thuật, trình độ dân trí ngày một cao hơn và thị hiếu nghệ thuật cũng ngày một nâng hơn của lớp công chúng mới.

Nghệ thuật sân khấu Di kê hiện chưa được nghiên cứu một cách bài bản và có hệ thống, chỉ tồn tại một vài bài viết của các tác giả địa phương và chưa được đưa vào chương trình giảng dạy, đào tạo tại các trường nghệ thuật Khmer. Đa phần người ta chỉ biết đến hai loại hình sân khấu Khmer truyền thống là Rô băm và Dù kê, còn Di kê nhiều người không biết đến sự tồn tại của nó, nếu có nghe nói đến thì cũng rất mơ hồ, không biết rõ loại hình nghệ thuật này. Đồng thời lâu nay đoàn tự tồn tại bằng kinh nghiệm tập thể: tự phác thảo cốt truyện, kịch bản chỉ mang tính chất minh họa chưa được chú ý một cách bài bản; tự dàn dựng kịch bản; tự biên đạo múa...

3.4. Nội dung và nhiệm vụ chủ yếu bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật sân khấu Di kê của người Khmer ở xã Ô Lâm, tỉnh An Giang

Luật Di sản văn hóa Nhà nước Việt Nam quy định: *“Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác*

bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác” (Khoản 1 Điều 4, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009).

Bảo vệ những giá trị nghệ thuật đặc sắc; những giá trị văn hóa tâm linh (đặc điểm nghệ thuật sân khấu Dì kê (Lakhon Yi kê) trong mối tương quan với nghệ thuật Dù Kê (Lakhon Bassac) vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và sân khấu trong khu vực Đông Nam Á; những quan niệm, giá trị tâm linh liên quan...).

3.4.1. Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm và bảo vệ giá trị nghệ thuật sân khấu Dì kê

Cần đầu tư cho công tác sưu tầm và nghiên cứu một cách bài bản, có hệ thống về loại hình sân khấu Dì kê để phát hiện, làm rõ và khẳng định những giá trị văn hóa nghệ thuật, đặc điểm nghệ thuật độc đáo của nghệ thuật này để có kế hoạch xây dựng các đề án quản lý, bảo vệ và phát huy Dì kê trong đời sống hôm nay và có những bước kế hoạch cụ thể phát triển tiếp nối thế hệ truyền thừa. Cần lưu ý, nghệ thuật sân khấu Dì kê là một loại hình nghệ thuật tổng hợp vì vậy cần nghiên cứu nó một cách đồng bộ, gắn với những nhà chuyên môn cụ thể để đánh giá vai trò của từng loại hình nghệ thuật trên sân khấu Dì kê.

Phòng chuyên môn nghiệp vụ của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang cần sớm có kế hoạch xây dựng đề án phát triển loại hình sân khấu này và có kế hoạch sưu tầm, lưu trữ thông qua các phương tiện kỹ thuật hiện đại hiện nay để tư liệu hóa loại hình này. Cụ thể phải chú ý đến sưu tầm dịch thuật các kịch bản Dì kê được phác thảo, ghi chép tay của các nghệ nhân còn tồn tại tại địa phương để biết được số lượng chính xác kịch bản, các vở diễn đã thực hiện và hiểu được quá trình, lịch sử làm nghệ thuật của lớp người đi trước.

Phát huy nghệ thuật sân khấu Dì kê người Khmer gắn với phát triển kinh tế - xã hội, gắn với hoạt động du lịch cộng đồng địa phương.

3.4.2. Mở rộng không gian diễn xướng nghệ thuật Dì kê

Sân khấu Dì kê gắn liền với đời sống cộng đồng, phục vụ cộng đồng nên lấy đó là tiêu chí phục vụ: đưa nghệ thuật Dì kê gắn bó hơn nữa với các lễ hội cộng đồng, trở thành một nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc khi có sự ủng hộ của nhà chùa. Do vậy để bảo vệ và phát triển nghệ thuật này cần có sự phối hợp, chung tay của các chùa Khmer để đưa nghệ thuật này đến gần hơn với công chúng, tạo môi trường sinh hoạt văn hóa tinh thần lành mạnh cho đồng bào Phật tử, cũng là cách truyền bá nghệ thuật truyền thống đến được với mọi người.

Nếu như trước đây đoàn diễn chỉ chú trọng biểu diễn trong các cuộc thi, các hoạt động hội diễn địa phương mà ít chú trọng đến biểu diễn vào những dịp lễ hội của cộng đồng thì nay cần phải quan tâm hơn theo hướng này, giúp đưa nghệ thuật trở về đời sống của chính nó. Bởi các cuộc thi thì không nhiều nên cần phải đi vào cộng đồng thông qua các dịp lễ hội của cộng đồng tại không gian chùa. Có nghĩa là cần phát huy vai trò của nhà chùa Khmer trong việc nuôi dưỡng và giữ gìn nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Đồng thời kết hợp biểu diễn ở cả nhà văn hóa của các phum sóc để mọi người dân đều có cơ hội biết đến và thưởng thức.

Kết hợp giao lưu văn hóa văn nghệ với các chùa ở các địa phương khác hoặc giao lưu nghệ thuật với đa dạng các loại hình sân khấu khác trong và ngoài địa phương.

Quảng bá nghệ thuật sân khấu Dì kê trên truyền hình và qua các phương tiện thông tin đại chúng để nhiều người biết đến loại hình nghệ thuật này và đưa nghệ thuật Dì kê đến với khán thính giả yêu nghệ thuật truyền thống.

3.4.3. Đầu tư nguồn nhân lực phát triển nghệ thuật sân khấu Dì kê

Lập kế hoạch đào tạo thế hệ diễn viên trẻ cho sân khấu Dì kê từ cơ bản đến nâng cao cho con em Khmer trong cộng đồng và con em của diễn viên Dì kê ham mê nghệ thuật được tham gia đào tạo. Lực lượng này sẽ là lớp kế cận cho Dì kê. Đồng thời tổ chức các lớp học thông qua mô hình sinh hoạt đội nhóm, câu lạc bộ tại các nhà văn hóa và trung tâm văn hóa để đưa loại hình nghệ thuật này đến được với nhiều người; kích thích sự ham mê sáng tạo nghệ thuật trong con em người Khmer ở cộng đồng. Tiến đến đào tạo chuyên sâu đội ngũ diễn viên trẻ kế cận, giúp họ có kiến thức chuyên môn vững vàng, tâm huyết theo đuổi nghề.

3.4.4. Đưa Dì kê tham gia vào hoạt động phát triển du lịch tại địa phương

Đây được xem là một hướng đi thiết thực, trước mắt tạo cơ hội quy tụ đoàn diễn, tập luyện các vở diễn hay tái diễn lại các tích tuồng đã diễn để phục vụ khán giả xem, nhằm quảng bá loại hình này cho du khách và qua đó kêu gọi đầu tư, phát triển hơn cho loại hình nghệ thuật này. Đồng thời để du khách, khách tham quan du lịch có thể hiểu được nội dung vở diễn hay trích đoạn thì cần có bảng điện tử dịch tiếng Khmer ra tiếng Việt, hay tiếng Anh tóm tắt những nội dung chính, có như vậy mới thu hút được người yêu nghệ thuật truyền thống.

Ngoài ra, cần chú ý kêu gọi các doanh nghiệp, chủ đầu tư, các cá nhân tham gia vào hỗ trợ, đầu tư cho loại hình nghệ thuật này như một hình thức phát triển văn hóa cộng đồng gắn với phát triển kinh tế địa phương.

- Dữ liệu hóa loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống Dì kê (nghiên cứu đầy đủ nghệ thuật sân khấu Dì kê (nguồn gốc, giá trị, đặc điểm nghệ thuật; sưu tầm kịch bản...) thông qua xuất bản, sức mạnh truyền thông (phổ biến quảng bá, giới thiệu...) trên sách báo, đài truyền hình, truyền thanh, mạng xã hội...

Quá trình khảo sát, thực địa; phỏng vấn các nghệ nhân tại xã Ô Lâm, chúng tôi sưu tầm và ghi chép lại được khá nhiều kịch bản viết tay và được lưu giữ trong trí nhớ một số nghệ nhân. Đồng thời, hiểu về nguồn gốc loại hình sân khấu Dì kê, những đặc điểm nghệ thuật của loại hình này trong mối tương quan với nghệ thuật có nhiều nét đồng dạng với Dì kê là Dù kê... còn nhiều điểm chưa được hiểu một cách thấu đáo, còn lẫn lộn giữa hai loại hình nghệ thuật sân khấu. Do vậy, dữ liệu hóa thông qua xuất bản, quảng bá, giới thiệu trên không gian mạng... để đưa nghệ thuật sân khấu Dì kê đến với nhiều người, vượt ra khỏi không gian địa phương ra bên ngoài... là cơ hội để nhiều người/ khán giả biết đến Dì kê là vô cùng cần thiết.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm duy trì các hoạt động biểu diễn đoàn hát (kinh phí, thu hút thế hệ trẻ, thu hút cộng đồng tham gia bảo vệ, đầu tư cho đoàn hát; gắn với thực hành tập quán, lễ hội, nhà chùa...). Đồng thời có chế độ đãi ngộ, tôn vinh nghệ nhân, diễn viên đoàn hát và tạo môi trường biểu diễn, hoạt động nghệ thuật cho họ thực hành di sản tại cộng đồng.

3.4.5. Đưa sân khấu Dì kê vào học đường

Ca múa nhạc là những nghệ thuật ngấm sâu vào máu mỗi người Khmer, trở thành dân tộc tính khi nói đến bản sắc Khmer. Do vậy, cần có sự khơi nguồn cho mạch sống ấy trở lại, đòi hỏi ngành văn hóa cần phải có những định hướng phát triển và có một chính sách phát triển cụ thể. Đó là cần thiết đưa loại hình sân khấu này vào học đường để kích thích sự ham mê, khơi gợi tình yêu nghệ thuật cho các học sinh, sinh viên bằng những buổi dạy múa, dạy hát, chơi nhạc... để thế hệ trẻ có điều kiện phát huy được sở thích, trau dồi được khả năng của mình và quan trọng là có cơ hội mở rộng sự hiểu biết, tò mò, hứng thú với loại hình nghệ thuật này cho lớp người trẻ hôm nay.

3.4.6. Thực hiện chính sách đãi ngộ nghệ nhân, diễn viên

Hiện nay lớp nghệ nhân lớn tuổi đã mất nhiều, lớp kế cận thì lớn tuổi, thiếu đội ngũ trẻ nên để phần nào hỗ trợ cho những người nông dân làm nghệ thuật thì cần thiết nhà nước phải có những chính sách đãi ngộ nghệ nhân, giúp họ yên tâm và cống hiến cho nghề nghiệp này. Họ chính là đội ngũ diễn viên, vũ công, nhạc công... tạo mọi điều kiện cho họ được cống hiến và có thể sống được với nghề.

Có chế độ đãi ngộ hay hỗ trợ cho việc sinh hoạt, tập luyện cho diễn viên, có chế độ khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, tập thể diễn viên có thành tích, công hiến cho sự quảng bá, phát triển nghệ thuật sân khấu Dì kê.

Tóm lại, nghệ thuật sân khấu Dì kê hiện còn tồn tại duy nhất tại xã Ô Lâm và đang đứng trước nguy cơ tan rã nên việc bảo vệ và phát huy loại hình nghệ thuật này phải được xem là nhiệm vụ cấp thiết đối với chính quyền địa phương, ban ngành văn hóa trong thời gian tới. Bởi Dì kê là món ăn tinh thần, là nơi gửi gắm tình yêu nghệ thuật, tạo dựng bản sắc Khmer của người dân nên cần phải bảo vệ và phát huy loại hình nghệ thuật này trong đời sống sinh hoạt văn hóa, tạo sự đa dạng văn hóa địa phương và cũng chính là “góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghệ thuật sân khấu Dì kê tạo cho vùng đất Ô Lâm một bản sắc địa phương mà không địa phương nào có được nên yêu cầu đặt ra làm sao đưa nghệ thuật truyền thống Khmer bước vào quá trình hội nhập và phát triển văn hóa phải được xem là nhiệm vụ hàng đầu, cần hành động ngay.

PHẦN THỨ TƯ

HỆ THỐNG GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

4.1. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, QUẢN LÝ ĐỀ ÁN

Đối với di sản văn hoá phi vật thể là một loại hình nhạy cảm, cần được quan tâm thích đáng với các nguyên tắc khác nhau của nhiều lĩnh vực khác nhau. Do đó, các giải pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hoá phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tuyên truyền, tư liệu hoá, nghiên cứu, truyền dạy, bảo vệ và phát huy; đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản văn hoá phi vật thể, với các nhóm giải pháp sau:

4.1.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê

Điều kiện tiên quyết bảo vệ và phát huy Nghệ thuật sân khấu Dì kê là phải tạo được sự thống nhất trong nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm cao của các cấp, các ngành trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát huy di sản. Trước hết phải thực hiện tốt việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng; xây dựng ý thức bảo vệ môi trường văn hóa, không gian văn hóa đã sản sinh và tồn tại di sản. Cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, hiểu biết cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, đặc biệt là các em học sinh, sinh viên về giá trị, lòng yêu mến và trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản văn hóa Nghệ thuật sân khấu Dì kê nói riêng.

- Bảo vệ là giữ gìn và lưu lại giá trị di sản. Bảo vệ gắn liền với quảng bá, giới thiệu giá trị di sản cũng có nghĩa là phát huy giá trị di sản gắn với bảo vệ. Nhiệm vụ bảo vệ trước mắt cần: phục hồi trình diễn dân gian loại hình sân khấu Dì kê gắn với các tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer ở xã Ô Lâm, tỉnh An Giang.

- Muốn bảo vệ văn hoá dân gian thì trước hết phải bảo vệ môi trường sinh thành và hoạt động của nó, đó là làng quê, đơn vị cơ sở của xã hội Việt Nam truyền thống. Hơn ở đâu hết, làng quê chính là “thành trì” của văn hoá dân gian. Trong trường hợp loại hình trình diễn dân gian sân khấu Dì kê, thì cần chú trọng bảo vệ không gian văn hoá phum sóc Khmer và đặc biệt là thiết chế văn hoá của ngôi chùa Nam tông Khmer như là cái nôi của văn hoá Khmer, trong đó có Nghệ thuật sân khấu Dì kê.

- Duy trì hoạt động các xuất diễn luân phiên tại các chùa và điểm du lịch hàng năm, ghi âm, thu hình để phát lại thường trực trong những ngày thường để du khách tham quan, hành hương đến viếng Chùa Khmer có cơ hội xem lại những hoạt động, lịch sử hình thành và phát triển của loại hình diễn xướng dân gian nghệ thuật sân khấu Dì kê, góp phần tìm hiểu di tích lịch sử, văn hóa và diễn xướng dân gian trong những ngày thường.

- Suu tầm, tập hợp tư liệu, hiện vật, chuẩn bị điều kiện xây dựng phòng trưng bày di sản văn hóa Nghệ thuật sân khấu Dì kê xã Ô Lâm, tỉnh An Giang.

4.1.2. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực thực hành cho các nghệ nhân và diễn viên

- *Tăng cường giáo dục và truyền dạy:*

+ Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền dạy nghệ thuật sân khấu Dì kê tại cộng đồng: Các lớp truyền dạy kỹ năng trình diễn nghệ thuật cần được tổ chức ngay trong cộng đồng để dễ dàng tiếp cận và truyền tải kiến thức cho người trẻ. Khuyến khích người Khmer truyền dạy kỹ thuật trình diễn nghệ thuật cho thế hệ trẻ qua các hình thức như dạy kỹ năng trình diễn trong gia đình hoặc mở lớp học truyền thống. Việc truyền dạy có thể được thực hiện qua các lớp học do chính các nghệ nhân địa phương đứng lớp, phối hợp với sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và tài chính từ các tổ chức văn hóa và chính quyền.

+ Giáo dục trong trường học: Đưa nghệ thuật sân khấu Dì kê vào chương trình giáo dục ở các trường học địa phương, giúp học sinh hiểu và tự hào về văn hóa dân tộc.

- *Cấp kinh phí hỗ trợ cho nghệ nhân, diễn viên và gánh hát:*

Nhiều nghệ nhân, diễn viên và gánh hát Dì kê gặp khó khăn về tài chính để duy trì hoạt động. Cấp kinh phí hỗ trợ không chỉ giúp các nghệ nhân, diễn viên và gánh hát có điều kiện thực hành loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian mà còn khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động bảo vệ di sản.

- *Xây dựng hồ sơ tài liệu hóa di sản:*

Các nghiên cứu về kỹ năng, kỹ thuật, phong cách trình diễn nghệ thuật sân khấu Dì kê cần được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống để lưu giữ lại những giá trị truyền thống. Việc tài liệu hóa này có thể bao gồm việc quay phim, ghi âm, chụp ảnh và ghi chép lại các quy trình viết kịch bản, chế tác phục trang cho đến kỹ năng trình diễn nghệ thuật Dì kê từ các nghệ nhân.

- *Đưa nghệ thuật trình diễn sân khấu Dì kê vào chương trình giáo dục cộng đồng và trường học:*

+ Lòng ghép vào chương trình giáo dục địa phương: Các trường học ở khu vực có cộng đồng người Khmer nên đưa nghệ thuật sân khấu Dì kê vào chương

trình ngoại khóa hoặc các môn học về văn hóa dân gian. Điều này giúp thế hệ trẻ từ sớm hiểu rõ và yêu quý nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

+ Tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm cho người dân và du khách: Các chương trình trải nghiệm trình diễn nghệ thuật sân khấu Dì kê không chỉ tạo cơ hội để người tham gia tìm hiểu về nghệ thuật Dì kê mà còn giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị và sự cần thiết của việc bảo vệ loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian này.

- *Chính sách đãi ngộ và hỗ trợ tài chính cho các nghệ nhân, diễn viên nghệ thuật sân khấu Dì kê:*

+ Trợ cấp cho nghệ nhân, diễn viên, nhạc công cao tuổi và diễn viên trẻ tài năng: Nhà nước cần xem xét cấp trợ cấp cho các nghệ nhân lớn nhằm giúp họ duy trì hoạt động loại hình trình diễn dân gian độc đáo này mà không bị áp lực kinh tế. Đối với các nghệ nhân, diễn viên trẻ tài năng, có thể cấp học bổng hoặc tài trợ để họ tiếp tục phát triển kỹ năng trình diễn.

+ Chế độ đãi ngộ xứng đáng: Chính quyền cần có chế độ đãi ngộ phù hợp cho các nghệ nhân, diễn viên, nhạc công tham gia giảng dạy và đào tạo. Những nghệ nhân đóng vai trò “bảo tồn viên” nên được xem xét phong tặng danh hiệu hoặc được hỗ trợ về thu nhập, đảm bảo sự công nhận từ phía xã hội.

- *Vinh danh và quảng bá hình ảnh nghệ nhân, diễn viên qua các sự kiện và danh hiệu văn hóa:*

+ Phong tặng danh hiệu và vinh danh nghệ nhân, diễn viên: Các nghệ nhân, diễn viên xuất sắc và có đóng góp lớn trong việc bảo vệ nghệ thuật sân khấu Dì kê nên được vinh danh và phong tặng các danh hiệu văn hóa từ cấp địa phương đến quốc gia. Điều này khuyến khích họ và thế hệ trẻ yêu nghề hơn, đồng thời nâng cao uy tín và giá trị của nghệ thuật sân khấu Dì kê.

+ Tổ chức các sự kiện và hội thảo vinh danh nghệ thuật sân khấu Dì kê: Chính quyền và các tổ chức văn hóa nên tổ chức các sự kiện hoặc hội thảo để quảng bá hình ảnh nghệ nhân, diễn viên, đồng thời giúp cộng đồng nhận ra vai trò quan trọng của họ trong việc bảo vệ văn hóa truyền thống.

- *Nghệ nhân, diễn viên chính là chủ thể, hạt nhân của hội thi:*

Đãi ngộ nghệ nhân, diễn viên chính là đãi ngộ người lưu giữ, trao truyền di sản. Nếu không có sự đãi ngộ thiết thực cho nghệ nhân trong việc truyền nghề thì sẽ dẫn đến nguy cơ thất truyền ngày càng cao. Chính sách về thù lao giúp nghệ nhân có thể sống và truyền nghề và đúc kết lại những kinh nghiệm lưu truyền trong nhân dân. Do đó cần sớm thực hiện xây dựng hồ sơ nghệ nhân gồm: Các thông tin cá nhân, tình trạng sức khỏe, năng lực, các danh hiệu đã đạt được. Chọn lựa những nghệ nhân có đủ tiêu chuẩn để xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” theo quy định nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Đối

với những nghệ nhân, diễn viên chưa đủ tiêu chuẩn đạt danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” tại quy định nhà nước nhưng nắm giữ kỹ năng thực hành và có nhiều đóng góp xuất sắc trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản thì cũng cần có tiêu chí phong tặng cấp tỉnh, nhằm tôn vinh, động viên, khuyến khích sự đóng góp của họ cho hội thi. Sự tôn vinh này chính là nền tảng cho sự kế thừa, duy trì sự tồn tại và phát triển của loại hình di sản này.

4.1.3. Nhóm giải pháp phát huy giá trị di sản Nghệ thuật sân khấu Dì kê gắn với phát triển du lịch của địa phương

Trong quá trình xây dựng và khai thác giá trị di sản Nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer gắn với phát triển du lịch cần có sự tham vấn của cộng đồng và các bên liên quan. Đó là cộng đồng tộc người Khmer, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, các kênh truyền thông và các Viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo đều đóng vai trò quan trọng để tạo nên tính bền vững trong việc phát huy giá trị di sản Nghệ thuật sân khấu Dì kê gắn với phát triển du lịch tại địa phương.

- Cộng đồng tộc người Khmer chính là chủ thể lưu giữ, bảo vệ di sản và cần hưởng lợi trên chính di sản đó.

- Chính quyền địa phương chính là cầu nối giữa các bên liên quan để thúc đẩy sự phát triển chung thông qua các chính sách và chương trình hành động cụ thể.

- Doanh nghiệp mang đến những kết nối, nguồn khách du lịch và khai thác các sản phẩm du lịch dựa trên các tài nguyên văn hoá sẵn có.

- Truyền thông giúp thực hiện hoá việc quảng bá thông tin về sản phẩm du lịch và quảng bá hình ảnh du lịch của tỉnh.

- Các Viện/Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo là những nơi nghiên cứu để phát huy hiệu quả và đúng với truyền thống văn hoá Khmer. Hơn nữa, họ sẽ giúp tư vấn chính sách phù hợp để góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản của loại hình trình diễn dân gian Nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer.

Tuy nhiên, cần hiểu rõ về các đặc điểm, khả năng và những khó khăn của các bên liên quan để có những chính sách hỗ trợ và phát huy tối đa vai trò của các bên liên quan này. Bởi vì, để phát triển du lịch cộng đồng bền vững đòi hỏi có sự tham gia của nhiều bên liên quan dựa trên lợi ích chung về mặt kinh tế hay văn hóa xã hội. Việc xây dựng quy hoạch tổng thể cũng đòi hỏi cần có sự thảo luận và đồng thuận của các bên liên quan. Chính quyền địa phương phải thể hiện được vai trò kết nối của mình trong quá trình hoạch định chiến lược phát triển du lịch.

4.1.4. Nhóm giải pháp huy động và đầu tư kinh phí

- *Huy động ngân sách từ các cấp chính quyền địa phương và quốc gia:*

+ Đưa nghệ thuật sân khấu Dì kê vào kế hoạch phát triển kinh tế văn hóa của địa phương: Các địa phương có cộng đồng Khmer nên xây dựng và tích hợp kế hoạch bảo vệ nghệ thuật sân khấu Dì kê vào chương trình phát triển văn hóa và kinh tế, từ đó dành nguồn ngân sách hàng năm cho hoạt động bảo vệ, phát triển.

+ Xây dựng các quỹ hỗ trợ đặc thù cho di sản văn hóa phi vật thể: Nhà nước có thể tạo các quỹ hỗ trợ riêng cho nghệ thuật sân khấu Dì kê, giúp cấp kinh phí cho các dự án bảo vệ, nghiên cứu và phát triển loại hình trình diễn dân gian độc đáo này.

- *Huy động đầu tư từ khu vực tư nhân và doanh nghiệp:*

+ Khuyến khích các doanh nghiệp văn hóa và du lịch đầu tư: Chính quyền địa phương có thể kêu gọi các doanh nghiệp văn hóa, du lịch đầu tư vào việc bảo vệ và phát huy loại hình nghệ thuật sân khấu Dì kê như một sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng vùng Bảy Núi, An Giang.

+ Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách huy động vốn của mọi thành phần vào đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn từ chương trình phát triển văn hóa vùng biên giới.

- Nghệ thuật sân khấu Dì kê chỉ có thể bảo vệ và phát huy tốt trong không gian văn hóa truyền thống mà nó được sinh ra. Do đó cần bảo vệ những nét đặc trưng văn hóa của các cộng đồng địa phương, trước hết quan tâm duy trì và phát huy các lễ hội, nghi lễ truyền thống của người Khmer. Chính những lễ hội, nghi lễ truyền thống này sẽ tạo ra nguồn cảm hứng cho việc sáng tác các vở diễn mới đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cộng đồng.

- Nghiên cứu, xây dựng *Đề án bảo vệ và phát huy giá trị nghệ thuật sân khấu Dì kê* cho từng giai đoạn nhằm tạo cơ chế và điều kiện để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ nhằm giữ gìn và phát huy tốt di sản văn hóa địa phương. Việc bảo vệ và phát huy loại hình trình diễn dân gian Nghệ thuật sân khấu Dì kê phải gắn liền với phát triển du lịch bền vững tại địa phương trên cơ sở phát triển của các doanh nghiệp du lịch và công ty lữ hành, sớm đưa Nghệ thuật sân khấu Dì kê vào danh mục các sản phẩm du lịch độc đáo của vùng Bảy Núi để di sản văn hóa và du lịch có sự tương hỗ phục vụ phát triển bền vững địa phương.

- Ban hành chính sách động viên, khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân... quan tâm đóng góp, thực hiện công tác xã hội hóa, đầu tư kinh phí duy trì hoạt động cho nghệ thuật sân khấu Dì kê tại địa phương.

4.1.5. Kinh phí thực hiện Đề án Quản lý, bảo vệ và phát huy Nghệ thuật sân khấu Dì kê giai đoạn 2025 - 2030

Kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp của Luật NSNN hiện hành.

Sau khi đề án được phê duyệt, hàng năm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí theo chế độ, tiêu chuẩn định mức do nhà nước ban hành, gửi Sở Tài chính xem xét, có ý kiến tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định.

Các dự án thành phần:

- *Dự án 1:* Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, dịch thuật và số hóa tư liệu về Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030
- *Dự án 2:* Phục hồi các dạng thức thực hành và nghi lễ liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030.
- *Dự án 3:* Xây dựng bộ giáo trình, kỹ thuật/ kỹ năng, sáng tác vở diễn và tổ chức truyền dạy, thực hành di sản cho cộng đồng về loại hình Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030
- *Dự án 4:* Nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ địa phương gắn với loại hình Nghệ thuật sân khấu Dì kê vùng Bảy núi, An Giang đến năm 2030
- *Dự án 5:* Tuyên truyền và quảng bá Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030
- *Dự án 6:* Đầu tư trang phục, nhạc cụ, đạo cụ và thiết bị và cơ sở vật chất liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030

(Xem Phụ lục các dự án thành phần, nội dung chủ yếu và thời gian thực hiện của Đề án)

4.2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

4.2.1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với đơn vị tư vấn lập Đề án tham mưu, giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án, phối hợp với các Sở, ban ngành, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị trấn... triển khai, thực hiện hiệu quả Đề án, đồng thời báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, Ủy ban Nhân dân xã Ô Lâm triển khai, thực hiện hiệu quả Đề án; đánh giá tình hình thực hiện đề án.

- Tham mưu, dự thảo Chương trình hành động quản lý, bảo vệ và phát huy Nghệ thuật sân khấu Dì kê cho Ủy ban Nhân dân tỉnh; Đề xuất việc xây dựng và ban hành chế độ chính sách đãi ngộ cho nghệ nhân, diễn viên; định kỳ lập danh sách phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân nhân dân... cho các nghệ

nhân có nhiều đóng góp của địa phương, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phong tặng.

- Hàng năm mở lớp truyền dạy, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng diễn xuất, kiến thức, hiểu biết về giá trị di sản nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản Nghệ thuật sân khấu Dì kê.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo ngoại khóa giới thiệu giá trị Nghệ thuật sân khấu Dì kê trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh xây dựng chính sách ưu tiên, cơ chế hoạt động đoàn hát và đội ngũ thực hành cho lực lượng thế hệ trẻ cộng đồng kế thừa.

- Xây dựng nội dung tuyên truyền sâu rộng giá trị di sản nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức hội đoàn thể và cộng đồng dân cư về bảo vệ và phát huy giá trị loại hình trình diễn dân gian độc đáo này trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, quảng bá và đưa vào các hoạt động vui chơi giải trí, tìm hiểu văn hóa nghệ thuật nhằm thu hút khách tham quan du lịch của tỉnh. Phối hợp với công ty du lịch giới thiệu Nghệ thuật sân khấu Dì kê đến với khách du lịch trong và ngoài nước.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá kết quả 3 năm thực hiện “Đề án Quản lý, bảo vệ và phát huy Nghệ thuật sân khấu Dì kê ở xã Ô Lâm, tỉnh An Giang”.

- Du lịch xây dựng tuyến tham quan, điểm đến gắn việc phát triển du lịch tại địa phương. Phối hợp với các công ty du lịch giới thiệu Nghệ thuật sân khấu Dì kê đến với khách tham quan. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá rộng rãi với nhiều du khách trong và ngoài nước về Nghệ thuật sân khấu Dì kê; góp phần nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho người dân, góp phần tăng cường việc học tập, kế thừa, bảo vệ di sản.

- Định hướng các cơ quan thông tấn báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về nội dung, ý nghĩa của Đề án, các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer của tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc giữ gìn và phát huy giá trị của các loại hình nghệ thuật này.

4.2.2. Sở Nội vụ

Thẩm định và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng, biểu dương tập thể và cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản Nghệ thuật sân khấu Dì kê.

4.2.3. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan tổng hợp cân đối ngân sách, tham mưu cấp thẩm quyền quyết định phân bổ vốn theo quy định và khả năng cân đối vốn để triển khai thực hiện.

Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện Đề án trên cơ sở lồng ghép với kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm vốn ngân sách trung ương và đối ứng từ ngân sách địa phương) được giao của các cơ quan, đơn vị có liên quan, kinh phí thực hiện Chương trình, Dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

4.2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở phối hợp chặt chẽ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan hữu quan thực hiện đưa nghệ thuật biểu diễn truyền thống vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt trường dân tộc nội trú tỉnh để thu hút sự quan tâm, phát hiện năng khiếu, tự hào của con em đồng bào Khmer trong tỉnh với loại hình sân khấu này.

Đồng thời bổ sung ngành học và đổi mới phương thức đào tạo nghệ thuật biểu diễn của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghệ thuật tỉnh, ngoài tỉnh nhằm hướng đến hoạt động đào tạo bài bản thế hệ diễn viên kế tục.

4.2.5. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo An Giang

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục và kế hoạch phát sóng giới thiệu về giá trị di sản văn hoá phi vật nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer xã Ô Lâm, tỉnh An Giang.

- Đài Phát thanh - Truyền hình xây dựng kế hoạch tăng cường phát sóng thực hiện giới thiệu giá trị nghệ thuật sân khấu Dì kê. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về giá trị di sản, nghệ thuật trình diễn... Hợp tác với đài truyền hình quốc gia, khu vực và Đài Phát thanh - Truyền hình các địa phương trong vùng nhằm giới thiệu rộng rãi giá trị độc đáo của di sản, nhất là trước mỗi dịp diễn ra các lễ hội, nghi lễ truyền thống hàng năm của đồng bào người Khmer ở vùng Bảy Núi, An Giang.

- Báo An Giang thường xuyên quảng bá, giới thiệu giá trị di sản Nghệ thuật sân khấu Dì kê.

4.2.6. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh

Xây dựng kế hoạch và phát động tổ chức các cuộc thi sáng tác kịch bản, chụp ảnh, tranh... về nghệ thuật sân khấu Dì kê của người Khmer xã Ô Lâm, tỉnh An Giang.

4.2.7. Ủy ban nhân dân xã (nơi có di sản)

- Thực hiện các nhiệm vụ đặt ra của Đề án. Đồng thời gắn với việc tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hoá phi vật thể quốc gia của sân khấu Dì kê Khmer.

- Chủ động lồng ghép kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị của sân khấu Dì kê với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Đồng thời, hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để tổng hợp và báo cáo cho Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo quy định.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án trên địa bàn theo khả năng cân đối ngân sách và quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn.

- Chủ động kêu gọi đầu tư và đề xuất cấp thẩm quyền cho chủ trương thực hiện đối với các công trình, dự án liên quan để tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách tham quan lễ hội và các di tích, danh thắng của địa phương... gắn với trình diễn Nghệ thuật sân khấu Dì kê.

- Chủ động lồng ghép kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di sản với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Thực hiện xã hội hóa đề án, huy động mọi nguồn lực của địa phương để bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật sân khấu Dì kê tại địa phương.

- Hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án về Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Văn hóa và Thể thao theo quy định./.

PHỤ LỤC

CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN, NỘI DUNG CHỦ YẾU VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Biểu số 1

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN
VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**
“Quản lý, bảo vệ và phát huy Nghệ thuật sân khấu Dì Kê của người Khmer
xã Ô Lâm, tỉnh An Giang (2025 - 2030)”

TT	Nội dung
1	Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, dịch thuật và số hóa tư liệu về Nghệ thuật sân khấu Dì kê đến năm 2030
1.1	<i>Sưu tầm và kiểm kê tư liệu</i>
1.2	<i>Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích và viết báo cáo</i>
1.3	<i>Dịch thuật các tư liệu từ tiếng Khmer sang tiếng Việt</i>
1.4	<i>Số hóa tư liệu về Nghệ thuật sân khấu Dì kê</i>
2	Phục hồi các dạng thức thực hành và nghi lễ liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030
2.1	<i>Phục hồi các dạng thức thực hành liên quan đến loại hình trình diễn dân gian đến sân khấu Dì kê, An Giang</i>
2.1.1	Phục hồi các dạng thức thực hành
2.1.2	Sưu tầm và mua tư liệu liên quan
2.2	<i>Phục hồi các nghi lễ liên quan đến loại hình trình diễn dân gian sân khấu Dì kê, An Giang</i>
2.3	<i>Báo cáo các dạng thức thực hành và nghi lễ liên quan đến loại hình trình diễn dân gian sân khấu Dì kê, An Giang</i>
3	Xây dựng bộ giáo trình, kỹ thuật/ kỹ năng, sáng tác vở diễn và tổ chức truyền dạy, thực hành di sản cho cộng đồng về loại hình Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030
3.1	<i>Xây dựng bộ giáo trình, kỹ thuật/kỹ năng và sáng tác vở diễn</i>
3.1.1	Xây dựng bộ giáo trình truyền dạy, kỹ thuật/kỹ năng

3.1.2	Biên soạn và sáng tác vở diễn mới
3.1.3	Tọa đàm góp ý giáo trình, kỹ thuật/kỹ năng và các vở diễn biên soạn/sáng tác mới
3.2	<i>Truyền dạy và thực hành</i>
3.2.1	Tổ chức các lớp truyền dạy và thực hành, học viên tiền ăn, nước uống và hỗ trợ xăng xe đi lại: 10 đợt/5 năm
3.2.2	Tổ chức hoạt động của CLB Dì kê
4	Nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ địa phương gắn với loại hình Nghệ thuật sân khấu Dì kê vùng Bảy Núi, An Giang đến năm 2030
4.1	<i>Xây dựng giáo trình tập huấn loại hình sân khấu Dì kê, An Giang</i>
4.2	<i>Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý ở các huyện, An Giang</i>
5	Tuyên truyền và quảng bá Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030
5.1	<i>Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, website, fanpage, ấn phẩm...</i>
5.1.1	Đưa tin về loại hình trình diễn dân gian Nghệ thuật sân khấu Dì kê
5.1.2	Sản xuất phóng sự giới thiệu về Sân khấu Dì kê, An Giang (phóng sự 10 phút, 30 phút...)
5.1.3	Tuyên truyền trên các báo, tạp chí
5.1.4	Xây dựng và vận hành trang website, fanpage về Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang
5.1.5	Biên soạn và ấn phẩm sách, poster về Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang
5.2	<i>Hội thảo trong nước</i>
6	Đầu tư phục trang, nhạc cụ, đạo cụ và thiết bị và cơ sở vật chất liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030
6.1	<i>Đầu tư trang phục, nhạc cụ, đạo cụ và thiết bị phục vụ sân khấu Dì kê</i>
6.2	<i>Đầu tư cơ sở vật chất (sân khấu lắp ghép và phong màn theo các vở diễn)</i>

Biểu số 2

Dự án 1: “Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, dịch thuật và số hóa tư liệu về Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030”

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, dịch thuật Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang	2025 - 2027
<i>1.1</i>	<i>Sưu tầm và kiểm kê tư liệu</i>	2025 - 2026
<i>1.2</i>	<i>Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích và viết báo cáo</i>	2026
<i>1.3</i>	<i>Dịch thuật các tư liệu từ tiếng Khmer sang tiếng Việt</i>	2027
2	Số hóa tư liệu về Nghệ thuật sân khấu Dì kê	2027

Biểu số 3

Dự án 2: “Phục hồi các dạng thức thực hành và nghi lễ liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê,, An Giang đến năm 2030”

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Phục hồi các dạng thức thực hành liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030	2026 - 2030
<i>1.1</i>	<i>Phục hồi các dạng thức thực hành</i>	2026 - 2027
<i>1.2</i>	<i>Sưu tầm và mua tư liệu liên quan</i>	2026 - 2027
2	Phục hồi các nghi lễ liên quan đến loại hình trình diễn dân gian sân khấu Dì kê, An Giang	2027 - 2028
3	Báo cáo các dạng thức thực hành và nghi lễ liên quan đến loại hình trình diễn dân gian sân khấu Dì kê, An Giang	2028 - 2030

Biểu số 4

Dự án 3: “Xây dựng bộ giáo trình, kỹ thuật/ kỹ năng, sáng tác vở diễn và tổ chức truyền dạy, thực hành di sản cho cộng đồng về loại hình Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030”

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	<i>Xây dựng bộ giáo trình, kỹ thuật/kỹ năng và sáng tác vở diễn</i>	2026 - 2027
1.1	Xây dựng bộ giáo trình truyền dạy, kỹ thuật/kỹ năng	2026
1.2	Biên soạn và sáng tác vở diễn mới	2026 - 2027
1.3	Tọa đàm góp ý giáo trình, kỹ thuật/kỹ năng và các vở diễn biên soạn/sáng tác mới	2027
2	<i>Truyền dạy và thực hành</i>	2026 - 2030
2.1	Tổ chức các lớp truyền dạy và thực hành	2026 - 2030
2.2	Tổ chức hoạt động của CLB Dì kê	2026 - 2030

Biểu số 5

Dự án 4: “Nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ địa phương gắn với loại hình Nghệ thuật sân khấu Dì kê vùng Bảy núi, An Giang đến năm 2030”

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	<i>Xây dựng giáo trình tập huấn loại hình sân khấu Dì kê, An Giang</i>	2026 - 2027
2	<i>Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý ở các huyện, An Giang</i>	2027 - 2030

Biểu số 6**Dự án 5: “Tuyên truyền và quảng bá Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030”**

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	<i>Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, website, fanpage, ấn phẩm...</i>	2025 - 2030
1.1	Đưa tin về loại hình trình diễn dân gian Nghệ thuật sân khấu Dì kê	2026 - 2030
1.2	Sản xuất phóng sự giới thiệu về Sân khấu Dì kê, An Giang (phóng sự 10 phút, 30 phút...)	2026 - 2028
1.3	Tuyên truyền trên các báo, tạp chí	2025 - 2030
1.4	Xây dựng và vận hành trang website, fanpage về Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang	2026 - 2027
1.5	Biên soạn và ấn phẩm sách, poster về Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang	2026 - 2027
2	<i>Hội thảo trong nước</i>	2027 - 2030

Biểu số 7

Dự án 6: “Đầu tư trang phục, nhạc cụ, đạo cụ và thiết bị và cơ sở vật chất liên quan đến Nghệ thuật sân khấu Dì kê, An Giang đến năm 2030”

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
<i>1</i>	<i>Đầu tư trang phục, nhạc cụ, đạo cụ và thiết bị phục vụ sân khấu Dì kê</i>	2026 - 2028
<i>2</i>	<i>Đầu tư cơ sở vật chất (sân khấu lắp ghép và phong màn theo các vở diễn)</i>	2026 - 2030